



**BỘ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM THÔNG TIN**

THÔNG TIN

**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

MỖI THÁNG 2 KỶ

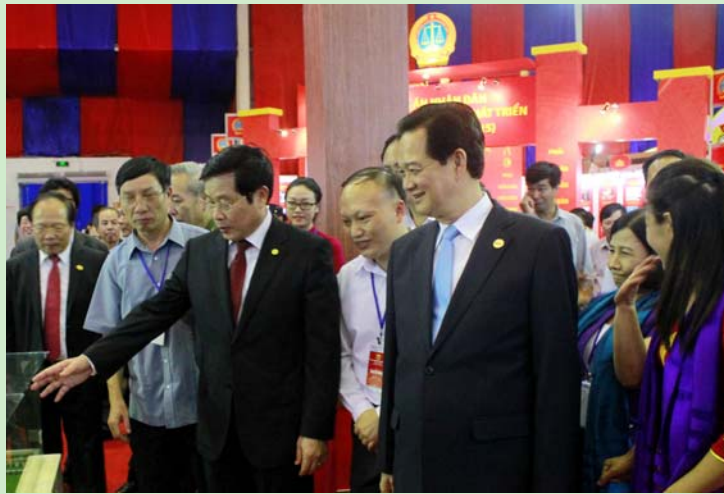
16

Tháng 8 - 2015

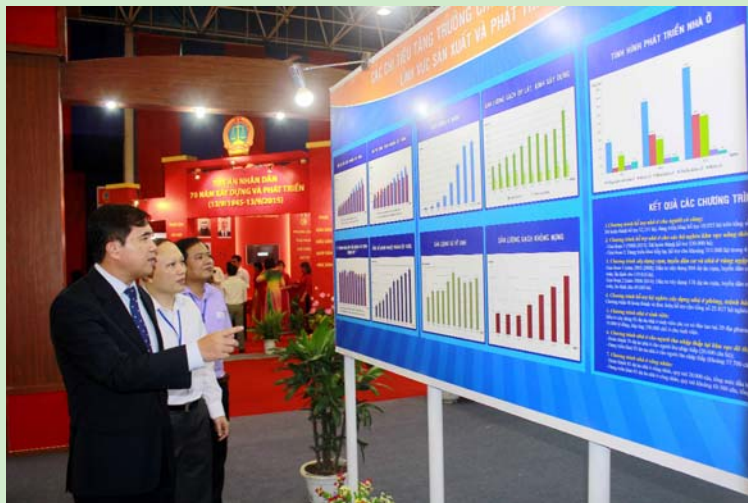
KHAI MẠC TRIỂN LÃM THÀNH TỰU KINH TẾ XÃ HỘI NĂM 2015

Chào mừng 70 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2-9

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2015



Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng thăm quan Gian Trưng bày của Bộ Xây dựng



Thứ trưởng Bộ Xây dựng Lê Quang Hùng thăm Triển lãm

THÔNG TIN
**XÂY DỰNG CƠ BẢN
& KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
XÂY DỰNG**

THÔNG TIN CỦA BỘ XÂY DỰNG
MỖI THÁNG 2 KỶ

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT HÀNH
NĂM THỨ MƯỜI SÁU

16

SỐ 16- 8/2015



TRUNG TÂM THÔNG TIN

TRỤ SỞ: 37 LÊ ĐẠI HÀNH - HÀ NỘI

TEL : (04) 38.215.137

(04) 38.215.138

FAX : (04) 39.741.709

Email: ttth@moc.gov.vn

GIẤY PHÉP SỐ: 595 / BTT

CẤP NGÀY 21 - 9 - 1998

MỤC LỤC

Văn bản quản lý

Văn bản các cơ quan TW

- Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể bảo tồn, phát huy giá trị di tích Thành Nhà Hồ và vùng phụ cận gắn với phát triển du lịch 5
- Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu vực cửa khẩu quốc tế La Lay” 7

Văn bản của địa phương

- Bình Phước quy định về hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn tỉnh năm 2015 8
- Bình Dương ban hành Quy định về Đơn giá bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh 9
- Cà Mau ban hành Quy định về quản lý các hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh 10
- Đắk Lắk ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện trên địa bàn tỉnh 13
- Cà Mau ban hành Quy định hạn mức giao đất và hạn mức công nhận một số loại đất trên địa bàn tỉnh 14

CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH

ĐỖ HỮU LỤC

Phó giám đốc Trung tâm

Thông tin

Ban biên tập:

CN. BẠCH MINH TUẤN

(Trưởng ban)

CN. ĐỖ THỊ KIM NHẠN

CN. TRẦN THỊ THU HUYỀN

CN. NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC

CN. NGUYỄN THỊ LỆ MINH

ThS. PHẠM KHÁNH LY

CN. TRẦN ĐÌNH HÀ

Khoa học công nghệ xây dựng

- Nghiệm thu đề tài của Viện Nghiên cứu & phát triển Viglacera 16
- Nghiệm thu các Dự thảo Tiêu chuẩn của Hội bê tông Việt Nam 17
- Kinh nghiệm sản xuất bê tông cải tiến của thế giới 19
- Cơ giới hóa tổng thể trong lĩnh vực cầu đường Nga 22
- Nga ứng dụng công nghệ mô hình hóa thông tin (BIM) trong lĩnh vực xây dựng 25
- Điểm mấu chốt trong xây dựng đô thị thông minh của Trung Quốc 28
- 4 điểm đổi mới trong công tác phát triển xây dựng xanh của Trung Quốc 31

Thông tin

- Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng tiếp Bộ trưởng Bộ Công chính và Vận tải Lào 34
- Thứ trưởng Lê Quang Hùng làm việc với Thượng nghị sỹ Nhật Bản Takeshi Maeda 35
- Đề án 1511 đang được triển khai hiệu quả 36
- Xây dựng cơ chế thị trường hóa trong phân loại, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt tại Trung Quốc 38
- Kinh nghiệm phát triển cơ chế ủy quyền trên cơ sở hình thức đối tác công - tư trong lĩnh vực kết cấu hạ tầng công cộng của nước cộng hòa Tatarstan 39
- Giang Tây thiết lập cơ chế thúc đẩy có hiệu quả lâu dài về xây dựng xanh 43
- Quy hoạch thiết kế phòng chống thiên tai đô thị trong bối cảnh biến đổi khí hậu 44



VĂN BẢN CỦA CÁC CƠ QUAN TW

Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể bảo tồn, phát huy giá trị di tích Thành Nhà Hồ và vùng phụ cận gắn với phát triển du lịch

Ngày 12/8/2015, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1316/QĐ-TTg phê duyệt Quy hoạch tổng thể bảo tồn, phát huy giá trị di tích Thành Nhà Hồ và vùng phụ cận gắn với phát triển du lịch với mục tiêu: Bảo tồn, phát huy các giá trị nổi bật toàn cầu của Di sản văn hóa thế giới Thành Nhà Hồ và bảo vệ cảnh quan, môi trường khu di sản; kết nối các điểm tham quan di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh để xây dựng sản phẩm du lịch văn hóa - lịch sử đặc biệt của khu vực Bắc Trung bộ; xác định chức năng và diện tích đất sử dụng cho khu vực di tích, khu dân cư, khu vực bảo vệ môi trường sinh thái, tổ chức không gian và bố trí hệ thống hạ tầng trong từng giai đoạn bảo tồn và phát huy giá trị di tích; định hướng kế hoạch, lộ trình và các nhóm giải pháp tổng thể quản lý, đầu tư xây dựng, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di tích Thành Nhà Hồ; tạo căn cứ pháp lý cho công tác quản lý và triển khai các dự án bảo tồn, tôn tạo, chỉnh trang tổng thể khu di tích theo đồ án Quy hoạch được duyệt, xây dựng quy định quản lý kiểm soát không gian quy hoạch kiến trúc cảnh quan khu di tích, các biện pháp khuyến khích bảo vệ di tích, kiểm soát sự thay đổi dân số.

Theo Quy hoạch này, khu di tích Thành Nhà Hồ và vùng phụ cận được phân thành 3 vùng chức năng. Cụ thể, vùng lõi bao gồm 3 hợp phần của Di sản văn hóa thế giới Thành Nhà Hồ (Thành Nội, La Thành và Đàn tế Nam Giao); vùng đệm bao gồm các khu di tích tôn giáo, tín ngưỡng và cảnh quan liên quan đến Di sản văn hóa thế giới Thành Nhà Hồ, khu cánh đồng cổ Xuân Giai và Nam Giao, khu

cánh đồng mẫu lớn, làng truyền thống Xuân Giai, Tây Giai và Đông Môn và các làng xã khác, thị trấn Vĩnh Lộc, khu quản lý, tiếp đón, trung bày, tổ chức lễ hội và khu lưu trú - dịch vụ du lịch; vùng không gian, kiến trúc cảnh quan di tích Ly Cung, Hà Trung liên quan trực tiếp đến giá trị lịch sử của Di sản văn hóa thế giới Thành Nhà Hồ. Đối với không gian vùng lõi ở Thành Nội, đối với cổng và tường thành, bảo tồn nguyên trạng các đoạn thành, cổng thành còn tốt, tu bổ các đoạn thành, cổng bị hư hỏng theo nguyên gốc; đối với hào nước, phục hồi phần hào nước chạy xung quanh thành dựa trên dấu vết hào nước hiện còn và kết quả khai quật khảo cổ; đối với khu vực bên trong thành, tiến hành khai quật khảo cổ một cách toàn diện để phát hiện vị trí, quy mô và chức năng phế tích các công trình kiến trúc đã mất; đối với sân, đường nội bộ, tôn tạo hệ thống đường đi trên cơ sở kết quả khảo cổ và nghiên cứu lịch sử, khôi phục cốt đường ban đầu cho đoạn đường xung quanh thành dựa vào phần chân thành bằng đá đã bị vùi lấp, mặt đường là lớp bê tông giả đất. Đối với không gian vùng lõi ở La Thành, bảo tồn các đoạn La Thành hiện còn và trồng tre gai bên ngoài La Thành. Đối với Đàn tế Nam Giao, tiến hành khai quật khảo cổ các khu còn lại của Đàn Nam Giao, tôn tạo khu vực nền 1 (Viên đàn), xây dựng hàng rào có hình thức phù hợp với cảnh quan di tích và trồng bổ sung các loại cây rừng để tạo cảnh quan cho khu vực tế lễ, xây dựng Nhà quản lý di tích khu vực trung tâm phía trước Đàn Nam Giao. Bảo vệ nghiêm ngặt, nghiêm cấm bất cứ hoạt động khai thác tài nguyên gây ảnh hưởng làm biến dạng cảnh quan tự nhiên

núi Thổ Tượng, núi Đún, núi Hắc Khuyển, núi Ngưu Ngọa, sông Mã, sông Bưởi bao quanh thành Nhà Hồ và núi Đún, núi Tụng, núi Dọc, núi Liễu... xung quanh Đền tế Nam Giao.

Đối với không gian vùng đệm tại thị trấn Vĩnh Lộc, cấu trúc không gian lấy di tích làm tâm, di tích liên thông qua không gian xanh làm trục bố cục; không xây dựng công trình với mật độ cao (mật độ xây dựng 30 - 45%), nhiều tầng (không quá 3 tầng) và hiện đại ở thị trấn Vĩnh Lộc; hạn chế xây dựng trên tuyến đường Hòa Nhai, khống chế mật độ xây dựng (tối đa 35%), chiều cao công trình từ khu vực Trung tâm quản lý đón tiếp đến núi Đún (không quá 12 m); phong cách kiến trúc phải trên cơ sở khai thác yếu tố truyền thống. Ngoài ra, cần tạo nét đặc trưng đô thị cổ ven sông, khu trung tâm thị trấn bố trí theo dạng phân tán, các công trình hành chính sẽ được bố trí tại vị trí như hiện nay, bố trí khu đô thị hướng ra sông và dải đất ven bờ sông Mã được cải tạo thành một không gian xanh.

Về tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan làng truyền thống, bảo tồn kiến trúc nhà ở trong làng theo hình thức nhà ở truyền thống nông thôn vùng đồng bằng Bắc Trung bộ, với bố cục chung có cổng, nhà trên, nhà dưới, sân, giếng nước, tường rào xây gạch hoặc trồng cây, chiều cao nhà không quá 7 m, mái dốc. Không gian đường làng, xóm hình tự do với giới hạn dưới là mặt đường lát gạch chỉ nghiêng, hệ thống hạ tầng kỹ thuật (điện, cấp thoát nước, thông tin, internet...) được đặt ngầm dưới mặt đường.

Về quy hoạch hạ tầng kỹ thuật, cụ thể là về giao thông đối ngoại, chuyển tuyến quốc lộ 45 và 217 bằng tuyến đường bên trong đê sông Bưởi nối sang huyện Cẩm Thủy, nơi tiếp cận điểm dân cư được ngăn cách bằng dải, mảng cây mang nét thẩm thực vật thường xanh, nhiều tầng vùng nhiệt đới Thanh Hóa; giao thông đối nội, hướng phát triển thị trấn được lựa chọn là hướng nhìn ra sông Mã, tận dụng tối đa địa hình tự nhiên, bảo đảm các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đúng theo tiêu chuẩn, mạng lưới đơn giản, phân

cấp đường chính, đường phụ rõ ràng tạo an toàn, thông suốt trong công tác tổ chức giao thông đô thị. Bố trí mạng lưới đường nội bộ hợp lý, thuận tiện trong việc liên hệ, đi lại của người dân trong khu Quy hoạch cũng như khách du lịch đến thăm Thành Nhà Hồ.

Về chuẩn bị kỹ thuật san nền, nguyên tắc là tận dụng tối đa địa hình tự nhiên, bảo đảm thoát nước mặt, không bị ngập úng cục bộ, không gây sạt lở, hài hòa với kiến trúc cảnh quan khu vực, độ dốc nền thuận tiện cho giao thông trong khu du lịch bảo đảm nước mặt tự chảy, tránh tình trạng ngập úng. Về chuẩn bị kỹ thuật thoát nước mưa, hệ thống thoát nước mưa được chia thành 2 loại, loại 1 thoát theo địa hình tự nhiên, loại 2 thoát theo hệ thống mương hở, mương có nắp đan, cống tràn. Về cấp nước, nâng công suất cấp nước của nhà máy nước Vĩnh Thành lên 6.000 m³/ngày đêm, xây dựng thêm 1 nhà máy nước mới tại xã Vĩnh Yên công suất 4.000 m³/ngày đêm, bảo đảm cung cấp đủ nhu cầu về nước sinh hoạt và kinh doanh. Về thoát nước thải, xây dựng trạm bơm tiêu úng cho khu vực ở phía Nam Thành Nhà Hồ, xây dựng hệ thống thoát nước bản và mặt nước riêng. Nước bản cần được xử lý sơ bộ trước khi thoát ra hệ thống cống thoát nước chung. Về vệ sinh môi trường, chất thải rắn (CTR) được phân loại tại nguồn; bố trí hệ thống thùng chứa CTR công cộng trong các khu vực Di sản thế giới, khu vực di tích, khu vực các công trình dịch vụ công cộng và trên các trục đường phù hợp với cảnh quan di sản.

Ngoài ra, Quyết định này cũng nêu rõ các nhóm dự án thành phần và phân kỳ đầu tư, các giải pháp thực hiện quy hoạch, cũng như trách nhiệm của các Bộ, ngành, cơ quan liên quan.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại: www.chinhphu.vn)

Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu vực cửa khẩu quốc tế La Lay”

Ngày 21/8/2015, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1424/QĐ-TTg phê duyệt Đề án “Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu vực cửa khẩu quốc tế La Lay”.

Theo Quyết định này, mục tiêu chung của Đề án là xây dựng khu vực cửa khẩu La Lay trở thành động lực phát triển mới của tỉnh Quảng Trị, là cầu nối quan trọng trên tuyến Hành lang kinh tế song song với Hành lang kinh tế Đông Tây (EWEC), nối khu vực Bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung với khu vực Nam Lào, Đông Thái Lan và khu vực Tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Campuchia; đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu vực cửa khẩu quốc tế La Lay thành cửa khẩu quốc tế kiểu mẫu với trang thiết bị hiện đại, thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý hoạt động cửa khẩu, đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế; phát triển khu vực cửa khẩu quốc tế La Lay nhằm tăng cường hoạt động kinh tế, thương mại giữa Việt Nam và Lào, củng cố quốc phòng, an ninh vùng biên giới, và tăng cường, củng cố mối quan hệ hữu nghị truyền thống lâu dài giữa hai nước; tạo cơ sở pháp lý và định hướng các nội dung, mục tiêu chính trong việc lập và phân kỳ các dự án đầu tư xây dựng tại khu vực cửa khẩu La Lay trong giai đoạn 2015 - 2020.

Mục tiêu cụ thể của Đề án bao gồm: Tổng giá trị tăng thêm của các ngành sản xuất, dịch vụ trong khu vực đạt khoảng 300 tỉ đồng vào năm 2020; thu ngân sách trên địa bàn đạt khoảng 200 tỉ đồng/năm vào năm 2020; tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu đạt 460 triệu USD/năm vào năm 2020; tổng vốn đầu tư trên địa bàn ước đạt khoảng 250 tỉ đồng/năm; nâng mức sống của dân cư trong khu vực tối thiểu

bằng mức trung bình của cả nước vào năm 2020.

Quyết định này đã phê duyệt nhiệm vụ của Đề án, tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ hoạt động của một cửa khẩu quốc tế theo các hạng mục cơ bản sau: Trung tâm cửa khẩu gắn với các hoạt động chức năng của cửa khẩu, cụ thể: Quốc môn, trạm kiểm soát liên ngành và nhà công vụ, bãi kiểm hóa, kho hàng, hệ thống giao thông trục chính, hệ thống điện, nước. Đây là hạng mục quan trọng nhất, bắt buộc phải đầu tư để đảm bảo hoạt động giao thương hàng hóa, phương tiện tại cửa khẩu được thuận lợi, nhanh chóng và hiệu quả. Nguồn vốn đầu tư hạng mục này được huy động chủ yếu từ ngân sách Trung ương. Trung tâm trung chuyển hàng hóa gắn với phát triển công nghiệp, dịch vụ, cụ thể: Kho ngoại quan, bãi tập kết hàng hóa, khu bảo thuế, hạ tầng khu công nghiệp, cơ sở gia công chế biến, sơ chế, bảo quản, phân loại, đóng gói hàng xuất nhập khẩu, các chi nhánh, văn phòng đại diện, văn phòng giao dịch của các công ty trong nước và nước ngoài, cửa hàng giới thiệu sản phẩm, chợ cửa khẩu... Đây là hạng mục cần có đối với hoạt động lâu dài, ổn định của cửa khẩu. Nguồn vốn đầu tư cho hạng mục này về lâu dài có thể huy động từ ngân sách Trung ương và các nguồn vốn hợp pháp khác (tư nhân, FDI, PPP...), tuy nhiên trong giai đoạn đầu, ngân sách Trung ương giữ vai trò chủ yếu với tác dụng là nguồn vốn “mồi”, tạo cơ sở vật chất ban đầu cho cửa khẩu phát triển.

Nguyên tắc huy động vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu vực cửa khẩu La Lay giai đoạn 2015 – 2020 là huy động tối đa mọi nguồn lực đáp ứng nhu cầu đầu tư trên địa bàn, trong đó nguồn vốn đầu tư từ ngân sách Trung ương

giữ vai trò chủ đạo trong giai đoạn 2015 - 2020; linh hoạt trong phương thức huy động đối với các dự án, trong đó tập trung thực hiện tốt các chính sách thu hút đầu tư dành cho các địa bàn được ưu đãi, tăng cường xúc tiến đầu tư, đẩy

mạnh cải cách thủ tục hành chính.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

(Xem toàn văn tại: www.chinhphu.vn)

VĂN BẢN CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Bình Phước quy định về hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn tỉnh năm 2015

Ngày 17/7/2015, UBND tỉnh Bình Phước đã ban hành Quyết định số 20/2015/QĐ-UBND quy định hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn tỉnh năm 2015.

Theo Quy định này, hệ số điều chỉnh giá đất áp dụng đối với các trường hợp sau: Diện tích thửa đất hoặc khu đất của dự án có giá trị (tính theo giá đất trong bảng giá đất) dưới 10 tỉ đồng trong các trường hợp sau: Tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân đối với phần diện tích đất ở vượt hạn mức, cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ nông nghiệp, đất phi nông nghiệp không phải là đất ở sang đất ở đối với phần diện tích vượt hạn mức giao đất ở cho hộ gia đình, cá nhân; tính tiền thuê đất đối với đất nông nghiệp vượt hạn mức giao đất, vượt hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân; tính tiền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, công nhận quyền sử dụng đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với tổ chức mà phải nộp tiền sử dụng đất.

Ngoài ra, hệ số này còn được sử dụng để tính tiền thuê đất đối với trường hợp Nhà nước cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất; tính giá trị quyền sử dụng đất khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước mà doanh nghiệp cổ phần sử dụng đất thuộc trường hợp Nhà nước giao đất có thu tiền sử

dụng đất, cho thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê; tính tiền thuê đất đối với trường hợp doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa được Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm; tổ chức kinh tế, tổ chức sự nghiệp công lập tự chủ tài chính, hộ gia đình, cá nhân, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đang được Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm được chuyển sang thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê và phải xác định lại giá đất cụ thể để tính tiền thuê đất tại thời điểm có quyết định cho phép chuyển sang thuê đất theo hình thức trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê theo quy định của Luật Đất đai; người mua tài sản gắn liền với đất mà Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm được Nhà nước tiếp tục cho thuê đất trong thời hạn sử dụng đất còn lại theo giá đất cụ thể, sử dụng đất đúng mục đích đã được xác định trong dự án.

Hệ số điều chỉnh giá đất còn được áp dụng để xác định đơn giá thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm khi điều chỉnh lại đơn giá thuê đất cho chu kỳ ổn định tiếp theo; xác định giá khởi điểm trong đấu giá quyền sử dụng đất để cho thuê theo hình thức thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm.

Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc hoặc giá đất phổ biến trên thị trường có biến động cần điều chỉnh lại hệ số điều

chỉnh giá đất, các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã phản ánh kịp thời về Sở Tài chính để Sở Tài chính phối hợp với các đơn vị có liên quan xem xét, tham mưu UBND tỉnh quyết định điều chỉnh cho phù hợp.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại:
www.binhphuoc.gov.vn)

Bình Dương ban hành Quy định về Đơn giá bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh

Ngày 22/7/2015, UBND tỉnh Bình Dương đã ban hành Quyết định số 25/2015/QĐ-UBND Quy định về Đơn giá bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh.

Quy định này quy định về đơn giá bồi thường, hỗ trợ tài sản trên đất khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Dương theo quy định tại Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Đối với những dự án, hạn mục dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và đã tổ chức thực hiện quyết định phê duyệt thì phương án bồi thường, hỗ trợ trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành thì không áp dụng hoặc không điều chỉnh theo Quyết định này. Trong từng dự án cụ thể đối với những loại tài sản không có trong quy định này Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng chịu trách nhiệm áp giá tính toán của tài sản cùng nhóm hoặc tương đương. Trong trường hợp không áp được mức giá bồi thường, hỗ trợ tài sản cùng nhóm hoặc tương đương thì Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng căn cứ biên bản xác định hiện trạng của Tổ chức tác thuê đơn vị tư vấn có tư cách pháp nhân đủ năng lực căn cứ vào hồ sơ hoàn công, quyết toán công trình hoặc lập lại thiết kế dự toán (trường hợp không có hồ sơ hoàn công hoặc thiết kế của công trình, quyết toán) để lập dự toán xây dựng công trình mới có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương. Trên cơ sở hồ sơ bản vẽ hiện trạng, dự toán xây dựng mới của đơn vị tư

vấn lập, Tổ chức làm nhiệm vụ bồi thường, giải phóng mặt bằng gửi Phòng Quản lý đô thị thẩm tra, báo cáo Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư xem xét, trình UBND cùng cấp, đề xuất mức giá cụ thể để Sở Tài chính chủ trì phối hợp với cơ quan quản lý chuyên ngành và các chuyên ngành liên quan xem xét thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt.

Theo Quy định này, về nguyên tắc, chỉ thực hiện bồi thường, hỗ trợ tài sản tồn tại trên đất bị thu hồi trước ngày có thông báo thu hồi đất của UBND cấp có thẩm quyền được niêm yết công khai tại trụ sở UBND cấp xã nơi có đất bị thu hồi, đồng thời đã được kiểm kê của cơ quan chức năng. Không bồi thường, hỗ trợ tài sản do người bị thu hồi đất xây dựng, trồng hoặc nuôi sau ngày có thông báo thu hồi đất của UBND cấp có thẩm quyền. Đối với nhà ở, công trình và vật kiến trúc khác của hộ gia đình, cá nhân, chủ sử dụng tự tháo dỡ, bàn giao mặt bằng trống và được sử dụng toàn bộ vật liệu bị phá dỡ. Nếu chủ sử dụng không tự tổ chức tháo dỡ, bàn giao mặt bằng trống thì Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư của dự án tổ chức tháo dỡ, thu hồi vật liệu bị phá dỡ (nếu có) để bán nộp ngân sách nhà nước sau khi trừ các chi phí có liên quan. Đối với các loại tài sản của các tổ chức, doanh nghiệp như công trình điện, nước, thông tin liên lạc, công trình xây dựng, nhà xưởng, vật kiến trúc sau khi bồi thường thì phải thu hồi. Việc thu hồi, thực hiện quản lý và tổ chức bán đấu giá các tài sản nêu trên sẽ do UBND tỉnh

quyết định đối với từng dự án cụ thể theo đề nghị của UBND cấp huyện và Sở Tài chính. Trường hợp đối với tài sản cần giữ lại để phục vụ cho dự án, không giao cho các hộ dân tận thu thì Tổ chức làm công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng đề xuất mức bồi thường, hỗ trợ cụ thể và tham mưu cho UBND cấp huyện trình UBND tỉnh phê duyệt mức bồi thường, hỗ trợ cho từng dự án.

Quy định này quy định điều kiện bồi thường, hỗ trợ đối với nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt gắn liền với đất của hộ gia đình và cá nhân như sau: Nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt có giấy tờ hợp pháp, hợp lệ, nghĩa là nhà ở, các công trình được phép xây dựng trên đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật và đã xây dựng trước ngày 01/7/2004 thì được bồi thường 100% theo đơn giá xây dựng được quy định. Nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt không đủ điều kiện được bồi thường về đất nhưng xây dựng trước ngày 01/7/2004 và tại thời điểm xây dựng chưa có quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được cấp có thẩm quyền công bố hoặc xây dựng phù hợp quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, không vi phạm hành lang bảo vệ các công trình hạ tầng kỹ thuật, được hỗ trợ bằng 80% theo đơn giá xây dựng được quy định. Nhà ở, các công trình phục vụ sinh hoạt không được phép xây dựng nhưng đã xây dựng trên đất đủ điều kiện bồi thường và xây dựng từ ngày

01/7/2004 trở về sau; nhà ở, các công trình xây dựng được xây dựng trước ngày 01/7/2004 trên đất không đủ điều kiện được bồi thường mà khi xây dựng vi phạm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được công bố và cấm mốc hoặc vi phạm hành lang bảo vệ công trình đã được cấm mốc, thì không bồi thường mà chỉ được xem xét hỗ trợ tiền công tháo dỡ nhưng không quá 30% giá trị căn nhà theo đơn giá xây dựng được quy định. Mức hỗ trợ do UBND cấp huyện (Hội đồng bồi thường, hỗ trợ) đề xuất.

Đối với nhà, công trình xây dựng khác gắn liền với đất có giấy tờ hợp pháp, hợp lệ không thuộc đối tượng quy định nêu trên, khi Nhà nước thu hồi đất được bồi thường theo giá trị hiện có của nhà, công trình do UBND tỉnh quy định, nhưng mức bồi thường tối đa không quá 100% và mức tối thiểu không dưới 40% theo đơn giá xây dựng của nhà, công trình do UBND tỉnh ban hành có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương với nhà, công trình bị thiệt hại. Đối với nhà, công trình chỉ tháo dỡ một phần, nếu phần diện tích còn lại không còn sử dụng được nữa thì được bồi thường cho toàn bộ công trình theo quy định; nếu phần diện tích còn lại sử dụng được thì được tính bồi thường phần công trình bị phá dỡ theo quy định và được trợ cấp sửa chữa thêm 20% giá trị công trình đã bị tháo dỡ.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại:
www.binhduong.gov.vn)

Cà Mau ban hành Quy định về quản lý các hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh

Ngày 30/7/2015, UBND tỉnh Cà Mau đã có Quyết định số 18/2015/QĐ-UBND ban hành Quy định về quản lý các hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh.

Quy định này là cơ sở để thực hiện công tác quản lý nhà nước về sản xuất, kinh doanh vật

liệu xây dựng (VLXD) trên địa bàn tỉnh Cà Mau, đồng thời tạo điều kiện nâng cao chất lượng công trình xây dựng, hạn chế những ảnh hưởng có hại đến môi trường, bảo đảm vệ sinh, giữ gìn cảnh quan đô thị, đảm bảo trật tự an toàn giao thông, trật tự an toàn xã hội và góp phần bảo

vệ lợi ích chính đáng của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh các mặt hàng VLXD và người tiêu dùng.

Theo Quy định này, các tổ chức, cá nhân hoạt động khai thác khoáng sản làm VLXD, chế biến, sản xuất, kinh doanh VLXD trên địa bàn tỉnh phải chấp hành nghiêm chỉnh Luật Khoáng sản, Luật Thương mại, Luật Bảo vệ môi trường và các điều khoản quy định tại Nghị định số 124/2007/NĐ-CP ngày 31/7/2007 của Chính phủ. Các tổ chức, cá nhân kinh doanh VLXD có đủ điều kiện trên địa bàn tỉnh, ngoài việc tuân thủ các quy định nêu trên, phải phù hợp với Quy hoạch mạng lưới kinh doanh VLXD trên địa bàn tỉnh Cà Mau và đáp ứng các điều kiện quy định tại Thông tư số 11/2007/TT-BXD ngày 11/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Cụ thể như sau: Đối với nhóm VLXD công kênh, khối lượng lớn, dễ gây bụi, địa điểm kinh doanh các VLXD công kênh phải có đủ bến bãi để tập kết thuận lợi cho các phương tiện vận tải ra vào, nơi kê xếp sản phẩm phải ngăn nắp, gọn gàng, tránh đổ vỡ gây tai nạn, không lấn chiếm ngoài diện tích được phép kinh doanh. Riêng đá, cát, sỏi phải xây ô chứa, rào chắn kín tránh tràn, trôi. Hệ thống thoát nước của địa điểm kinh doanh phải có hố thu, lắng đọng vật liệu bị tràn trôi, thường xuyên nạo vét thu gom và vận chuyển đến nơi quy định, không để ảnh hưởng tới hệ thống thoát nước chung của khu vực và môi trường xung quanh. Đối với gạch, đá ốp lát không được cắt, mài ở vỉa hè đường phố, không để nước, bụi bắn vương vãi ra nơi công cộng. Vôi xây dựng (vôi tôi, vôi cục, vôi bột) địa điểm kinh doanh vôi xây dựng không được đặt trong các khu vực đông dân cư, xung quanh trường học, các trung tâm văn hóa thể thao, bệnh viện, chợ; việc tồn trữ vôi cục phải có kho kín hoặc bao bì chống ẩm, đặt nơi cao ráo; vôi tôi và dự trữ vôi phải bằng thùng, bể xây có nắp đậy hoặc hố đào có hàng rào che chắn cao ít nhất 1,5 m, đặt ở nơi có ít người qua lại và có hàng rào che chắn, biển báo nguy hiểm khu vực hố vôi, bể vôi.

Đối với nhóm VLXD dễ cháy, địa điểm kinh doanh các loại VLXD thuộc nhóm này phải bảo đảm những quy định như đối với nhóm vật liệu tại Khoản 1 Điều 6 Quy định này; đồng thời nơi tồn trữ, kinh doanh các loại vật liệu này phải đặt xa nơi phát sinh lửa, phải có các thiết bị phòng cháy, chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy và các quy định khác có liên quan. VLXD có mùi, hóa chất độc hại, gây bụi phải có ngăn cách đảm bảo an toàn cho người tại nơi bán hàng. Việc tồn trữ và vận chuyển đối với những loại vật liệu này phải có bao bì đóng gói đối với dạng bột; thùng, hộp, téc chứa kín đối với dạng lỏng. Có dụng cụ cân đong an toàn khi mua bán, không được để các dung môi, phụ gia và sơn ở nơi gần nguồn nước, giếng ăn, ao hồ, nơi có nhiệt độ cao có khả năng phát cháy. Phải có các thiết bị phòng cháy, chữa cháy theo quy định của pháp luật. Có biện pháp bảo vệ môi trường, tính mạng và tài sản của nhân dân. Cấm lưu hành, sử dụng trong công trình xây dựng các sản phẩm, hàng hóa VLXD không đảm bảo chất lượng, cần nhắc các sản phẩm, hàng hóa VLXD chưa có giấy chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy theo quy định về chứng nhận và công bố hợp quy. Không được phép tổ chức kho, bãi tồn trữ các loại VLXD kinh doanh có điều kiện tại các vị trí không phù hợp với quy hoạch mạng lưới kinh doanh VLXD. Các loại VLXD bị hư hỏng, kém phẩm chất, phế thải trong quá trình vận chuyển, lưu chứa, kinh doanh phải được xử lý theo quy định.

Việc quản lý chất lượng VLXD trong quá trình sản xuất được thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Cụ thể, phải áp dụng hệ thống quản lý nhằm bảo đảm chất lượng sản phẩm do mình sản xuất phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng. Nhà sản xuất phải có trách nhiệm công bố tiêu chuẩn áp dụng và phải chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm do mình sản xuất, phải ghi nhãn theo

quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa; tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật liên quan đến quá trình sản xuất, chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa VLXD mã số QCVN 16:2014/BXD được ban hành kèm theo Thông tư số 15/2014/TT-BXD ngày 15/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Đối với sản phẩm, hàng hóa VLXD lưu thông trên thị trường, theo quy định tại Điều 38 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21/11/2007 và Khoản 1 Điều 32 Nghị định số 124/2007/NĐ-CP ngày 31/7/2007 của Chính phủ, người bán hàng phải thực hiện các yêu cầu về quản lý chất lượng sau: Chỉ được phép kinh doanh đối với các sản phẩm, hàng hóa VLXD đạt tiêu chuẩn đã công bố áp dụng, đối với các sản phẩm, hàng hóa VLXD được quy định tại QCVN 16:2014/BXD thì phải có chứng nhận hợp quy; sản phẩm VLXD có nhãn và nhãn phải bảo đảm ghi đầy đủ nội dung theo quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa; chịu sự kiểm tra chất lượng hàng hóa theo quy định. Đối với sản phẩm, hàng hóa VLXD sử dụng trong công trình xây dựng, theo quy định tại Điều 110 Luật Xây dựng, Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa và Điều 14 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ, vật liệu, cấu kiện sử dụng vào trong công trình xây dựng phải theo đúng thiết kế xây dựng, chỉ dẫn kỹ thuật (nếu có) đã được phê duyệt, bảo đảm chất lượng theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; ưu tiên sử dụng vật liệu tại chỗ, vật liệu trong nước, đối với dự án sử dụng vốn nhà nước, việc sử dụng vật liệu nhập khẩu phải được quy định trong nội dung hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu phù hợp với thiết kế xây dựng và chỉ dẫn kỹ thuật (nếu có) do người quyết định đầu tư quyết định. Người sử dụng, người sở hữu hàng hóa có trách nhiệm tuân thủ các điều kiện quy định tại Điều 42 Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa. Hàng hóa phải được kiểm định theo quy định

trong quy chuẩn kỹ thuật tương ứng do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành. Hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa phải kiểm định trong quá trình sử dụng phải có giấy chứng nhận kiểm định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền mới được phép đưa vào sử dụng.

Quy định này cũng quy định nội dung công tác quản lý nhà nước về VLXD ở địa phương. Cụ thể, phải tổ chức lập, thẩm định các quy hoạch phát triển VLXD, quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm VLXD thông thường đảm bảo phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển VLXD quốc gia, quy hoạch phát triển VLXD vùng và các quy hoạch khác; quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thẩm định thiết kế theo quy định của Luật Xây dựng đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình VLXD thuộc nhóm B, C xây dựng tại địa phương; xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương để áp dụng trong phạm vi của tỉnh đối với sản phẩm, hàng hóa VLXD đặc thù, các yêu cầu cụ thể về môi trường phù hợp với đặc điểm và trình độ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, đề án, cơ chế chính sách, kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất, chế biến VLXD và di dời địa điểm sản xuất vào khu vực quy hoạch; hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện các quy chuẩn kỹ thuật, các quy định về an toàn, vệ sinh lao động, môi trường trong các hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản làm VLXD, sản xuất VLXD; quản lý, hướng dẫn việc đảm bảo các điều kiện theo quy định đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh mặt hàng VLXD có điều kiện; quản lý, kiểm tra chất lượng các sản phẩm, hàng hóa VLXD được sản xuất, lưu thông và đưa vào sử dụng trong các công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại: www.camau.gov.vn)

ĐẮK LẮK ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện trên địa bàn tỉnh

Ngày 07/8/2015, UBND tỉnh Đắk Lắk đã có Quyết định số 23/2015/QĐ-UBND ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư các dự án thủy lợi, thủy điện trên địa bàn tỉnh.

Theo Quy định này, căn cứ vào thực tế sử dụng đất tại khu vực thu hồi, việc ban hành quyết định thu hồi và phê duyệt phương án bồi thường về đất theo từng dự án thủy lợi, thủy điện cho hộ tái định cư và hộ gia đình bị ảnh hưởng thuộc đối tượng quy định tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều 5 Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg có diện tích đất sản xuất nằm ngoài hành lang bảo vệ hồ chứa theo quy định tại Khoản 1 Điều 3 Nghị định số 112/2008/NĐ-CP ngày 20/10/2008 của Chính phủ về quản lý, bảo vệ, khai thác tổng hợp tài nguyên và môi trường các hồ chứa thủy điện, thủy lợi được thực hiện theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 66 Luật Đất đai 2013, Khoản 3 Điều 29 Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND.

Hộ tái định cư có đất sản xuất bị thu hồi thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 6 Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg được bồi thường về tài sản trên đất theo các quy định về bồi thường tài sản của UBND tỉnh tại thời điểm lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư nếu tài sản được tạo lập trên đất không trái với mục đích sử dụng đất hoặc không có nguồn gốc sử dụng đất được xác định là lấn, chiếm trái phép của chủ sử dụng đất hợp pháp khác. Trường hợp tài sản trên đất sản xuất của hộ tái định cư được tạo lập theo Hợp đồng liên kết được ký với Tổ chức có tư cách pháp nhân thì giá trị bồi thường tài sản trên đất sản xuất của hộ tái định cư được xác định căn cứ theo Hợp đồng liên kết.

Hộ tái định cư và hộ bị ảnh hưởng thuộc đối tượng quy định tại Khoản 3 Điều 6 Quyết định

số 64/2014/QĐ-TTg khi Nhà nước thu hồi đất được bồi thường bằng 80% giá trị làm lán trại mới. Hộ tái định cư thuộc các trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 8 Quyết định số 64/2014/QĐ-TTg (trừ các hộ gia đình, cá nhân đang thuê nhà ở không phải là nhà ở thuộc sở hữu nhà nước mà phải di chuyển chỗ ở quy định tại Điều 20 Quyết định số 39/2014/QĐ-UBND) tại nơi phải di chuyển có đủ điều kiện tự di chuyển, tự nguyện vận chuyển người, tài sản được hỗ trợ bằng tiền để tự vận chuyển người và tài sản theo quyết định phê duyệt của UBND cấp có thẩm quyền với mức hỗ trợ không quá 7.000.000 đồng/ hộ.

Hộ tái định cư đến điểm tái định cư tập trung nông thôn được giao 1 thửa đất tại điểm tái định cư để làm nhà ở theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt với diện tích tối thiểu 200 m² và tối đa 400 m² cho một hộ. Hộ tái định cư đến điểm tái định cư đô thị được giao 1 thửa đất tại điểm tái định cư để làm nhà ở theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt với diện tích tối đa không quá 300 m² cho một hộ. Hạn mức giao đất sản xuất nông nghiệp, đất lâm nghiệp, đất có mặt nước nuôi trồng thủy sản tại điểm tái định cư tập trung nông thôn cho hộ tái định cư được căn cứ theo quy hoạch cụ thể tại điểm tái định cư đó, nhưng không quá 2 ha đối với đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản, không quá 30 ha đối với đất trồng cây lâu năm, đất rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất.

Ngoài ra, Quy định này còn quy định các khoản hỗ trợ sau tái định cư.

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 17/8/2015.

(Xem toàn văn tại: www.daklak.gov.vn)

Cà Mau ban hành Quy định hạn mức giao đất và hạn mức công nhận một số loại đất trên địa bàn tỉnh

Ngày 18/8/2015, UBND tỉnh Cà Mau đã có Quyết định số 20/2015/QĐ-UBND ban hành Quy định hạn mức giao đất và hạn mức công nhận một số loại đất trên địa bàn tỉnh.

Theo Quy định này, hạn mức đất ở giao cho mỗi hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng nhà ở đối với trường hợp chưa đủ điều kiện để giao đất ở theo dự án đầu tư xây dựng nhà ở trên địa bàn tỉnh Cà Mau được quy định như sau: Khu vực 1 (các phường thuộc thành phố Cà Mau) không quá 150 m²; khu vực 2 (các thị trấn thuộc huyện) không quá 200 m²; khu vực 3 (các xã thuộc huyện và thành phố Cà Mau) không quá 300 m².

Trường hợp thửa đất ở có vườn, ao gắn liền được hình thành trước ngày 18/12/1980 và người đang sử dụng có một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013 và Điều 18 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì diện tích đất ở được xác định theo giấy tờ đó. Trường hợp trong các loại giấy tờ được quy định tại các Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013 và Điều 18 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ chưa xác định rõ diện tích đất ở thì diện tích đất ở được công nhận không phải nộp tiền sử dụng đất bằng diện tích thực tế của thửa đất đó nhưng không quá 5 lần hạn mức giao đất ở theo quy định tại Điều 3 của Quy định này.

Trường hợp thửa đất ở có vườn, ao gắn liền với nhà ở được hình thành từ ngày 18/12/1980 đến trước ngày 01/7/2004 và người đang sử dụng có một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 mà trong giấy tờ đó không ghi rõ diện

tích đất ở thì diện tích đất ở được xác định như sau: Đối với hộ gia đình có từ 4 nhân khẩu trở xuống thì hạn mức công nhận đất ở bằng hạn mức giao đất ở quy định tại Điều 3 của Quy định này; đối với hộ gia đình có từ 5 đến 8 nhân khẩu, hạn mức công nhận không quá 2 lần và có từ 9 nhân khẩu trở lên, hạn mức công nhận không quá 3 lần hạn mức giao đất ở quy định tại Điều 3 của Quy định này. Số nhân khẩu để xác định hạn mức công nhận đất ở theo nguyên tắc quy định nêu trên là số nhân khẩu có trong sổ hộ khẩu của hộ gia đình đang ở trên cùng thửa đất tại thời điểm nộp đủ hồ sơ hợp lệ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Hạn mức giao đất ở và hạn mức công nhận đất ở tại Quy định này áp dụng cho các trường hợp sau: Giao đất, công nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân; bồi thường đất; xét miễn, giảm tiền sử dụng đất và trường hợp được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 và Khoản 4 Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013. Đối với mỗi hộ gia đình, cá nhân chỉ được xét công nhận đất ở 1 lần để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất; nộp tiền sử dụng đất, xét miễn, giảm tiền sử dụng đất.

Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp do tự khai hoang mà đất đó phù hợp với quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, không có tranh chấp thì được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất theo hạn mức sau: Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất để trồng cây hàng năm, nuôi trồng thủy sản, làm muối thì được công nhận quyền sử dụng đất không

quá 3 ha đối với mỗi loại đất; hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất trồng cây lâu năm, đất trồng rừng sản xuất được công nhận quyền sử dụng đất không quá 10 ha đối với mỗi loại đất.

Cũng theo Quy định này, hạn mức giao đất trồng, đất có mặt nước thuộc nhóm đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt được quy định như sau: Sử dụng vào mục đích đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản cho mỗi hộ gia đình, cá nhân trực tiếp

sản xuất nông nghiệp không quá 3 ha đối với mỗi loại đất; sử dụng vào mục đích trồng cây lâu năm cho mỗi hộ gia đình, cá nhân không quá 10 ha; sử dụng vào mục đích đất trồng rừng phòng hộ, đất rừng sản xuất cho mỗi hộ gia đình, cá nhân không quá 30 ha đối với mỗi loại đất. Hạn mức giao đất quy định nêu trên không tính vào hạn mức giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

(Xem toàn văn tại: www.camau.gov.vn)

Nghiệm thu đề tài của Viện Nghiên cứu & phát triển Viglacera

Ngày 14/8/2015, Hội đồng KHCN chuyên ngành Bộ Xây dựng đã nghiệm thu đề tài “Nghiên cứu thiết kế chế tạo máy phun than tự động cho lò nung tuynen sản xuất gạch ngói đất sét nung” mã số RD-136 do nhóm nghiên cứu thuộc Viện Nghiên cứu & Phát triển Viglacera (TCT Viglacera) thực hiện. Hội đồng nghiệm thu họp với sự chủ trì của TS. Lê Trung Thành - Vụ trưởng Vụ KHCN & Môi trường, Bộ Xây dựng.

Theo TS. Kiều Lê Hải - Chủ nhiệm đề tài: công nghệ sản xuất gạch ngói đất sét nung bằng lò tuynen là công nghệ tiên tiến trên thế giới. Dựa trên nền công nghệ này, các nhà sản xuất có thể tự động hóa dây chuyền sản xuất, giảm nhân công lao động. Hiện nay, các hệ thống lò tuynen tại các quốc gia phát triển đều sử dụng hệ thống cấp nhiên liệu được tự động hóa, điều khiển thông qua tín hiệu được cung cấp từ lò nung, nhằm giảm tiêu hao nhiên liệu và đảm bảo chất lượng sản phẩm. Đề tài đáp ứng kịp thời vấn đề cấp thiết là cấp than tự động cho các lò nung tuynen tại Việt Nam, giảm nhập khẩu thiết bị, tăng phần nội địa hóa cho máy móc thiết bị phục vụ sản xuất gạch ngói đất sét nung nói riêng và ngành sản xuất vật liệu xây dựng của nước ta nói chung.

Sản phẩm đề tài gồm 01 bộ bản vẽ thiết kế các chi tiết của máy phun than tự động và 01 máy phun than tự động được lắp đặt thử nghiệm tại nhà máy Hải Dương của công ty CP Viglacera Từ Sơn. Thiết bị được nhóm chế tạo dựa vào việc tham khảo mẫu máy phun than tự động của Ý được nhập khẩu và đang vận hành tại nhà máy từ năm 2007; từ đó nhóm đã lựa chọn được công nghệ và những thông số thiết kế của máy tương đương với máy nhập ngoại, cụ thể như sau:

- Công nghệ: nghiền than kiểu búa, kết hợp



Toàn cảnh cuộc họp

với phun than vào lò nung;

- Nguyên lý điều khiển: điều khiển tự động thông qua tín hiệu nhiệt độ của lò nung;
- Công suất hoạt động: 100 - 150 kg than/giờ;
- Công suất tối đa: 200 kg than/giờ;
- Nguyên liệu đầu vào: than cám, cỡ hạt từ 3 - 5 mm

Qua vận hành thử nghiệm từ tháng 11 năm ngoái, sản phẩm của nhóm nghiên cứu cho nhiều kết quả khả quan, tương đương với hiệu suất của hệ thống phun than tự động của Ý, đảm bảo tăng cường hiệu suất cháy của than, giảm phát thải. Có mặt tại cuộc họp với tư cách là thành viên Hội đồng, Giám đốc nhà máy Hải Dương - ông Trần Xuân Hùng khẳng định: Các thông số về máy phun than sản phẩm của đề tài đều tương đương với máy Ý, giá thành chỉ bằng một nửa, tuổi thọ của các bộ phận tương đương. Hơn nữa, vỏ máy nội địa bền hơn so với máy nhập, phù hợp với việc nghiền than có độ cứng cao. Các chỉ tiêu về dao động nhiệt trong lò, tiêu hao than, tỷ lệ sản phẩm đạt sau nung của sản phẩm đề tài tương đương với thiết bị nhập.

Một nội dung nữa mà nhóm nghiên cứu thực hiện trong khuôn khổ đề tài là tính toán sơ bộ hiệu quả kinh tế khi áp dụng phương pháp phun

than tự động thay thế cho biện pháp tra than thủ công vào hệ lò tuynen: giảm tiêu hao nhiên liệu (từ 10 - 15 kg than/ 1.000 viên); giảm nhân công lao động bằng giải pháp tự động hóa cấp liệu thay cho biện pháp tra than thủ công và điều khiển nhiên liệu cháy thông qua tín hiệu nhiệt độ bên trong lò nung; giảm ô nhiễm môi trường do tăng hiệu suất cháy của nhiên liệu; kiểm soát nhiệt trong lò giúp đảm bảo đồng đều chất lượng sản phẩm, tăng tỷ lệ thu hồi.

Các ủy viên phản biện và thành viên Hội đồng đều đánh giá rất cao tính khoa học và tính thực tiễn của đề tài, đặc biệt trong bối cảnh các vấn đề như ô nhiễm môi trường, tiết kiệm năng lượng đang khá cấp bách hiện nay. Để giúp nhóm nghiên cứu hoàn thiện sản phẩm đề tài, Hội đồng cũng đóng góp thêm một số ý kiến thiết thực về chuyên môn, lưu ý nhóm bổ sung các số liệu, thông số (áp lực phun, đầu phun

nung...), làm rõ các thông số kinh tế - kỹ thuật - môi trường của máy nội địa để đánh giá chính xác hiệu quả của thiết bị. Thông qua việc thảo luận các kết quả cụ thể mà nhóm nghiên cứu báo cáo tại cuộc họp, các thành viên Hội đồng kiến nghị cần khuyến khích và nhanh chóng triển khai áp dụng rộng rãi sản phẩm vào thực tế sản xuất, nhất là các đơn vị sản xuất gạch ngói sét nung thuộc TCT Viglacera.

Kết luận cuộc họp, TS. Lê Trung Thành nhất trí với Hội đồng, đề nghị nhóm tác giả tiếp thu các ý kiến đóng góp của Hội đồng kèm giải trình bằng văn bản, làm cơ sở hoàn thiện hồ sơ nghiệm thu.

Đề tài được Hội đồng thông qua với kết quả xếp loại Khá.

Lệ Minh

Nghiệm thu các Dự thảo Tiêu chuẩn của Hội bê tông Việt Nam

Ngày 17/8/2015, Hội đồng KHCVN chuyên ngành Bộ Xây dựng đã họp nghiệm thu 04 Dự thảo Tiêu chuẩn TCVN...:2015 do Hội Bê tông Việt Nam chủ trì biên soạn. TS. Hoàng Quang Nhu - Phó Vụ trưởng Vụ KHCVN & Môi trường, Bộ Xây dựng làm Chủ tịch Hội đồng.

Theo các tác giả, 04 tiêu chuẩn được xây dựng trên cơ sở chấp nhận giải pháp công nghệ phù hợp cho “Dây chuyền công nghệ chế tạo các sản phẩm bê tông cốt thép (BTCT) thành mỏng đúc sẵn dùng trong hệ thống hạ tầng kỹ thuật và bảo vệ môi trường” của Công ty TNHH một thành viên Thoát nước và phát triển đô thị tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Busadco) - dây chuyền công nghệ đã được Bộ Xây dựng ra quyết định công nhận và cho phép áp dụng rộng rãi trong phạm vi toàn quốc (Quyết định số 885/QĐ-BXD ngày 30/9/2011).

Báo cáo về dự thảo TCVN...:2015 “Hố ga



Toàn cảnh cuộc họp của Hội đồng nghiệm thu

hào kỹ thuật BTCT thành mỏng đúc sẵn”, chủ nhiệm đề tài - KS. Nguyễn Đức Lợi cho biết: Trong hạ tầng kỹ thuật ngầm đô thị, hệ thống hào kỹ thuật bao gồm cả các hố ga - với vai trò kết nối các đoạn hào kỹ thuật tại các vị trí cần đấu nối, thay đổi hướng, đổi độ cao, đổi tiết diện - nhằm phục vụ công tác đấu nối, vận hành, kiểm tra, sửa chữa, bảo dưỡng các hệ thống

cáp ngầm. Nhằm tạo thuận lợi cho các đơn vị sản xuất, thiết kế, thi công công trình ngầm, năm 2014, TCVN 10332:2014 Hào kỹ thuật BTCT thành mông đúc sẵn (do Hội Bê tông soạn thảo) đã được ban hành. Tuy nhiên cho tới nay, sản phẩm hố ga cho hào kỹ thuật vẫn chưa có tiêu chuẩn riêng. Dự thảo được xây dựng nhằm hoàn thiện và đồng bộ hệ thống tiêu chuẩn hào kỹ thuật trong sản xuất, thiết kế hạ tầng kỹ thuật ngầm. Dự thảo có các quy định cụ thể về phân loại hố ga hào kỹ thuật (theo số ngấn vào - ra; theo chiều cao vào - ra; theo kiểu đấu nối nhánh thẳng, nhánh rẽ 01 phía và 02 phía, nhánh chữ thập; theo khả năng chịu tải); kích thước cơ bản cùng các yêu cầu kỹ thuật về vật liệu chế tạo. Theo KS. Lợi, do hào kỹ thuật và hố ga kỹ thuật nằm trong cùng một mạng lưới hào cho cáp viễn thông điện lực của hạ tầng kỹ thuật ngầm nên các yêu cầu về kết cấu, độ chịu tải, độ chống thấm, kể cả công nghệ sản xuất đều có sự tương đồng, Vì thế, các yêu cầu về vật liệu như xi măng, cốt liệu, nước, phụ gia, thép cốt, bê tông quy định trong dự thảo tương tự tiêu chuẩn TCVN 10332:2014.

Về dự thảo TCVN...:2015 “Hố ga BTCT thành mông đúc sẵn. Phần 3 - Nắp và song chắn rác”, chủ nhiệm đề tài - KS. Trần Quốc Tế cho biết, đối với hệ thống thoát nước đô thị, hố ga bao gồm hố thu nước mưa, giếng thăm và gần đây áp dụng hố ngăn mùi được lắp đặt phía sau hố thu. Năm 2014, TCVN 10333 - 1,2:2014 “Hố ga BTCT thành mông. Phần I - Hố thu nước mưa và hố ngăn mùi; Phần 2 - Giếng thăm hình hộp” (do Hội Bê tông soạn thảo) đã được ban hành.

Nắp và song chắn rác là những thành phần chịu tải quan trọng trong kết cấu ba loại hố ga nêu trên, được chế tạo từ các vật liệu như gang, thép, BTCT và composite polymer cốt sợi thủy tinh; song cho tới nay chưa có TCVN riêng cho loại sản phẩm này. Rất cần có một tiêu chuẩn kỹ thuật cấp quốc gia để hoàn chỉnh các cơ sở pháp lý trong quản lý chất lượng, tư vấn thiết kế, xây dựng đơn giá cho các hố ga nói riêng và

công trình hạ tầng đô thị nói chung. Dự thảo đáp ứng mục tiêu trên, góp phần hoàn thiện và đồng bộ các tiêu chuẩn TCVN 10333 - 1,2:2014. Trong quá trình biên soạn, nhóm tác giả đã tiến hành khảo sát tình hình sản xuất, sử dụng nắp và song chắn rác các loại trong hệ thống thoát nước hiện tại, kết hợp tham khảo tài liệu trong và ngoài nước, các TCVN và các tiêu chuẩn nước ngoài liên quan: BS EN 124:1994, ASTM D 790, ASTM D 695... để đưa ra các yêu cầu kỹ thuật đối với vật liệu. Nắp và song chắn rác phổ biến ở Việt Nam và trên thế giới hiện nay là gang đúc, thường là gang xám, gang dẻo và gang cầu. Nhóm đã nghiên cứu kỹ thị trường và điều kiện sản xuất ở trong nước, so sánh với các nước châu Âu, Nhật Bản, Mỹ - nơi thị trường sản phẩm bằng gang cầu phát triển mạnh - trong khi Việt Nam sử dụng gang xám nhiều do rẻ hơn. Tuy vậy, gang cầu đã bước đầu được sử dụng thay thế gang xám tại một số công trình có yêu cầu cao về khả năng chịu tải, phục vụ xuất khẩu. Từ phân tích đánh giá trên, nhóm đề xuất quy định chung vật liệu gang phù hợp TCVN 2361:1989 “Gang đúc. Yêu cầu kỹ thuật” để các nhà tư vấn, nhà sản xuất và chủ đầu tư có nhiều phương án lựa chọn theo yêu cầu thực tế của từng công trình cụ thể. Các vật liệu thép đúc, bê tông, composite polymer cũng được nhóm nghiên cứu và đưa ra những quy định phù hợp với thực tế sử dụng tại Việt Nam.

TCVN...:2015 “Bồn rác xanh bê tông thành mông đúc sẵn” được nhóm tác giả do KS. Trần Quốc Tế chủ trì nghiên cứu biên soạn mới, trên cơ sở ứng dụng sản phẩm bồn rác (bằng BTCT, bê tông cốt sợi phân tán) của Busadco, cấu trúc thành mông nhẹ, đảm bảo mỹ quan, đáp ứng tốt các tiêu chí bảo vệ môi trường. Bồn có thể sử dụng để lưu giữ rác tạm thời cả ở khu vực đô thị và nông thôn. Bồn được kết cấu phía dưới đựng rác, phía trên là chậu trồng cây thay cho nắp thông thường nhằm tô điểm cho cảnh quan môi trường, thu hút sự chú ý của người qua lại muốn tìm nơi vứt rác. TCVN sẽ là công cụ hữu

ích cho công tác quản lý chất lượng sản phẩm sản xuất trong nước cũng như nhập khẩu, công tác tư vấn thiết kế và dự toán hạng mục này trong các dự án đầu tư quản lý chất thải rắn. Qua khảo sát tình hình sản xuất và sử dụng bồn rác xanh bê tông thành mỏng đúc sẵn ở khu vực đô thị và nông thôn, kết hợp tham khảo các tài liệu, các tiêu chuẩn trong nước và nước ngoài liên quan, nhóm đã hoàn thành dự thảo tiêu chuẩn với đầy đủ các quy định về phân loại, kích thước, và các yêu cầu kỹ thuật đối với vật liệu. Theo các tác giả, bồn rác xanh bê tông thành mỏng đúc sẵn chỉ cần sử dụng xi măng pooc lăng hoặc xi măng pooc lăng hỗn hợp. Trong trường hợp cần thiết phải nâng cao mức độ chống ăn mòn thì kết hợp với các phụ gia khoáng như silicafume, meta cao lanh, tro trấu phù hợp với TCVN 8826:2011, TCVN 10302:2014, TCVN 8827:2011. Cường độ của bê tông phải đáp ứng theo yêu cầu thiết kế song không được nhỏ hơn 30 MPa.

Về dự thảo TCVN...:2015 “Mộ bê tông thành mỏng đúc sẵn”, nhóm tác giả trình bày: TCVN được xây mới trên cơ sở sản phẩm mộ bê tông giới hạn cho hai hình thức mai táng là cát táng và địa hỏa táng. TCVN đáp ứng yêu cầu thực tế quy hoạch các khu nghĩa trang, thực sự tạo sự chuyển biến, đổi mới cho diện mạo các nghĩa trang, đồng thời đáp ứng nhu cầu thực tế của người tiêu dùng hiện nay cần có các sản phẩm mộ, bia mộ có kiểu dáng gọn, đẹp, văn minh hiện đại nhưng vẫn phù hợp truyền thống phong thủy xây dựng. TCVN sẽ góp phần thống nhất các tiêu chuẩn trong xây dựng mộ bằng việc sử dụng vật liệu bê tông có

gia cường cốt thép hoặc bằng cốt sợi phân tán theo công nghệ tạo tấm thành mỏng chất lượng cao, đưa ra được những quy định chung cho sản phẩm mộ bê tông thành mỏng đúc sẵn đã bước đầu được xã hội chấp nhận. Dự thảo được biên soạn trên cơ sở các văn bản quy phạm pháp luật; quy chế quản lý - sử dụng nghĩa trang nhân dân tại Hà Nội và các địa phương; các TCVN liên quan như TCVN 7956:2008 “Nghĩa trang đô thị. Tiêu chuẩn thiết kế”, TCVN 9412:2012 “Mộ và bia mộ. Tiêu chuẩn thiết kế”.

Các ủy viên phản biện và thành viên Hội đồng đều đánh giá: 04 dự thảo tiêu chuẩn được biên soạn công phu, tuân thủ đúng quy định về kết cấu, bố cục, văn phong của văn bản tiêu chuẩn. Bên cạnh đó, Hội đồng cũng đóng góp một số ý kiến về câu chữ, thuật ngữ, về một số nội dung thiếu phù hợp nên lược bỏ... để các dự thảo hoàn chỉnh hơn.

Kết luận cuộc họp, TS. Hoàng Quang Nhu bày tỏ đồng tình với toàn Hội đồng, lưu ý các tác giả tiếp thu các ý kiến của Hội đồng và nhanh chóng chỉnh sửa dự thảo, để Bộ Xây dựng có căn cứ trình Bộ Khoa học - Công nghệ thẩm định và ban hành, sớm đưa các tiêu chuẩn này vào thực tế, góp phần nâng cao chất lượng công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng đô thị; cải thiện môi trường, nâng cao chất lượng sống cho cộng đồng dân cư; đồng thời góp phần hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn Việt Nam trong lĩnh vực liên quan.

Cả 04 dự thảo đều được Hội đồng nhất trí nghiệm thu với kết quả xếp loại Khá.

Lê Minh

Kinh nghiệm sản xuất bê tông cải tiến của thế giới

Lịch sử ra đời và phát triển bê tông đã có từ lâu. Bài báo này đề cập tới lĩnh vực mà không phải ai cũng biết - những cải tiến của vật liệu lâu đời này trên thị trường vật liệu xây dựng hiện đại.

Bê tông cốt thép là bước cải tiến đầu tiên,

thỏa mãn rất nhiều nhiệm vụ mà bê tông chưa thể đáp ứng. Bê tông không làm việc ở trạng thái căng kéo mà chỉ ở trạng thái nén; còn kim loại thì ngược lại. Khi hai vật liệu này kết hợp với nhau, khả năng trở nên vô hạn - có thể xây các

tòa nhà, đường hầm, các công trình khẩu độ lớn, vỏ và công trình bảo vệ... Có nghĩa là lịch sử xây dựng - kiến trúc của nhân loại đã bước sang một trang mới cùng với sự xuất hiện của bê tông cốt thép.

Những cải tiến hiện nay của bê tông - theo các chuyên gia và các nhà bê tông học - chủ yếu tập trung vào hai xu hướng. Xu hướng đầu tiên là hiệu quả sử dụng năng lượng và tiết kiệm nguyên vật liệu, giảm giá thành. Xu hướng thứ hai là nghiên cứu bê tông cải tiến nhằm thay thế các vật liệu truyền thống. Chẳng hạn, tại nhiều quốc gia hiện nay, trào lưu sử dụng bê tông xuyên sáng khá phát triển. Sản phẩm là sự kết hợp giữa sợi quang học và cốt liệu mịn của bê tông, có thể sử dụng như đèn chiếu sáng và để trang trí nội thất. Sự cải tiến cho phép bê tông đồng thời đạt được năng lực chịu tải và đặc tính trong suốt của kính, tạo nên những siêu phẩm đẹp về kiến trúc, lạ về hình dáng, bên cạnh đó chi phí xây dựng, giá thành công trình được tiết kiệm hơn bởi không cần lắp đặt thêm hệ thống chiếu sáng bổ sung.

Thập kỷ 60 thế kỷ XX ghi dấu sự xuất hiện của các loại bê tông có đặc tính khai thác cao (HPC - high performance concrete và UHPC - ultra-high performance concrete). Các bê tông này không chỉ đạt chỉ số cường độ cao, mà tuổi thọ cũng rất dài. Từ thời điểm này, khái niệm vòng đời xuất hiện.

Theo các số liệu thống kê toàn thế giới, hiện nay những nghiên cứu quy mô nhất tạo nên thương hiệu toàn cầu cho sản phẩm phần lớn do Tập đoàn Lafarge (Pháp) thực hiện. Tập đoàn hiện có một trung tâm khoa học công nghệ riêng tại Lyon. Nhiều sản phẩm của Tập đoàn đã được cấp bằng sáng chế. Hội các nhà sản xuất bê tông thế giới coi các sản phẩm bê tông của Lafarge là những bước tiến vượt bậc trong cải tiến công nghệ sản xuất.

Nói về bê tông cải tiến của Lafarge, trước tiên cần nhắc tới Ductal - bê tông cường độ đặc biệt cao, tới 240 MPa. Không có loại bê tông



Bê tông xuyên sáng

nào trên thế giới đạt chỉ số cường độ cao như vậy. Một nhóm sản phẩm khác của Lafarge có thể coi là những vật liệu tối ưu cho kiến trúc hiện đại. Nhờ tỷ lệ khác nhau của cát và các phụ gia màu bột, các nhà sản xuất đã đưa khách hàng của mình tiếp cận một không gian với những gam màu kỳ lạ, thậm chí có thể thay đổi màu.

Quy trình cải tiến của Lafarge không chỉ đơn giản là hoạt động nghiên cứu của trung tâm nghiên cứu khoa học, mà còn bao gồm cả hoạt động nghiên cứu của các nhà sản xuất để có thể cho ra đời những sản phẩm khiến thị trường bê tông thế giới thần phục. Agilia là thương hiệu bê tông đứng đầu trong nhóm bê tông tự lèn trên thế giới; rất linh hoạt trong thi công các kết cấu móng, mái, kết cấu ngang và kết cấu thẳng đứng. Đặc tính chảy của vữa bê tông Agilia khiến quy trình đổ bê tông đơn giản hơn, số lượng điểm đổ giảm; có thể đổ bê tông cho những kết cấu có hình dạng phức tạp (nhất là các kết cấu có gia cố nặng hoặc cốt pha rất dài). Thi công loại bê tông này, tổng chi phí xây dựng sẽ giảm đi đáng kể do yêu cầu nhân công ít hơn trong khi năng suất lao động tăng lên.

Chronolia là một loại bê tông cải tiến khác của Lafarge. Việc vận chuyển và đổ bê tông tương tự như Agilia do đặc tính lưu động cao của vữa. Loại bê tông này có đặc điểm tập trung cường độ rất nhanh, có thể dỡ ván khuôn chỉ 04 giờ đồng hồ sau khi đổ bê tông. Bê tông

được ứng dụng vào nhiều hạng mục khác nhau, với nhiều công năng khác nhau, trong đó có sửa chữa và tái thiết các đường bê tông.

Extensia mang lại khả năng đổ mỗi lần 400 m² sàn và mái mà không để lại khe nứt nào. Ngoài ra, độ đặc chắc của vữa bê tông cho phép giảm bề dày các tấm, giảm lượng khí thải CO₂ trong sản xuất tới 20%.

Với Artevia, khách hàng có thể đặt thiết kế bề ngoài của bê tông theo ý mình, do đặc tính của bê tông để đúc khuôn những hình dạng phức tạp. Đây cũng là loại bê tông nghệ thuật, đáp ứng các ý tưởng trang trí và sáng tạo của các kiến trúc sư, các nhà quy hoạch đô thị. Thermedia là thế hệ mới của loại bê tông sử dụng năng lượng hiệu quả. Trong các tòa nhà/ công trình sử dụng bê tông này, mức truyền nhiệt giảm tới 3 lần.

Những quốc gia tiên phong trong việc nghiên cứu chế tạo bê tông cải tiến là Pháp, Đức; và các khách hàng tiềm năng, tích cực sử dụng các sản phẩm này chính là Mỹ, Anh, và Nhật Bản. Liên bang Nga tuy có đẳng cấp thế giới trong lĩnh vực xây dựng bê tông, song chưa thể vươn lên tầm các quốc gia hàng đầu về cải tiến công nghệ sản xuất. Vấn đề chủ yếu ở đây là chính các nhà thiết kế, các kiến trúc sư trong nước không “đặt hàng” cho sự phát triển bê tông cải tiến, mặc dù có nhiều nhà sản xuất trong nước có tiềm lực về công nghệ và trang thiết bị, hoàn toàn có thể chế tạo ở quy mô công nghiệp các loại bê tông cải tiến theo yêu cầu của thị trường.

Đã có những chương trình hợp tác Nga - Pháp về nghiên cứu phụ gia siêu dẻo và những thành phần khác cho bê tông cải tiến; hợp tác Nga - Đức trong cải tiến bê tông áp dụng trong lĩnh vực xây dựng cầu đường. Cần ghi nhận một điều: Ở thời điểm hiện tại, có một khoảng cách khá lớn về năng lực cạnh tranh giữa châu Âu và Nga. Tại châu Âu, “vòng tròn đối tác” giữa các công ty xây dựng lớn và các nhà sản xuất bê tông, xi măng ngày càng mở rộng. Chẳng hạn,



Bê tông xuyên sáng

một công ty xây dựng lớn của Pháp đang tham gia thi công một công trình/ tòa nhà có thể liên kết với nhà cung cấp - đối tác của mình để nghiên cứu sản xuất loại bê tông công nghệ cao ứng dụng cho công trình đó. Như vậy, thời hạn thi công sẽ giảm đi đáng kể, đồng thời tính kinh tế của dự án tăng lên rất nhiều. Hay có thể lấy một dẫn chứng khác: Bê tông do công ty Vinci Corporation (Pháp) thiết kế nhằm chống lại hiện tượng cầu lạnh, được sản xuất với công nghệ cao, sử dụng các cốt liệu thô và cốt liệu mịn phi truyền thống (không dùng đá dăm và cát). Sản phẩm vượt trội về tính năng sử dụng năng lượng hiệu quả. Nhờ sản phẩm này, triển vọng tiết kiệm chi phí cách nhiệt bổ sung cho mặt tiền các tòa nhà/ công trình đã rộng mở đối với các nhà thiết kế Pháp nói riêng và châu Âu nói chung.

Nhiều nhà xây dựng Nga đã biết về bê tông xuyên sáng (light - transmitting concrete), song cho tới nay vẫn chưa có một nghiên cứu cụ thể nào về các đặc tính sử dụng của bê tông. Tập đoàn LITRACON (Hungary) đã sản xuất và lắp ghép sản phẩm này làm tường, vách ngăn bên trong và công trình bao che cho các bệnh viện, nhằm đơn giản hơn việc lắp đặt các bộ cảm biến và theo dõi tình trạng sức khỏe của bệnh nhân. Về phía mình, người bệnh cũng cảm thấy thoải mái hơn vì không phải chịu cảm giác bó buộc trong “bể cá” và bị quan sát từ bên ngoài.

Như vậy có thể thấy: ngoài việc thiếu những “đơn đặt hàng” cụ thể, còn có một số rào cản khác đối với Nga trên con đường tiếp cận với các nước tiên tiến của châu Âu và thế giới trong lĩnh vực cải tiến bê tông, điểm mấu chốt là thị trường nội địa chưa thúc đẩy khả năng ứng dụng bê tông cải tiến, do chưa có các tiêu chuẩn mới phù hợp. Tại Đức trong vòng 10 năm gần đây, số lượng các tiêu chuẩn bắt buộc ứng dụng bê tông cải tiến đã tăng nhiều, trong đó luôn quy định rõ quy cách chất lượng sản phẩm; phương pháp kiểm tra đầu vào và đầu ra; độ cứng tại tất cả các ngưỡng... Và các nhà khoa học Đức vẫn đang tiếp tục nghiên cứu đề xuất những yêu cầu mới chặt chẽ hơn đối với việc sản xuất và ứng dụng bê tông cải tiến.

Một nguyên nhân nữa không kém quan trọng - các sản phẩm cải tiến luôn đòi hỏi chi phí cao; nói theo cách khác, về bản chất đây hoàn toàn không phải là loại hàng hóa rẻ. Song nếu đề cao chất lượng cuộc sống của mọi công dân - với phương châm cuộc sống luôn phải tiến lên phía trước - thì chi phí này rất xứng đáng để Chính phủ Liên bang dành nhiều sự quan tâm hơn, và thể hiện bằng những chính sách cụ thể hơn trong tương lai.

I.Valentinova

Nguồn: Báo Xây dựng Nga số 16

(ngày 17/5/2015)

ND: Lê Minh

Cơ giới hóa tổng thể trong lĩnh vực cầu đường Nga

Vấn đề xây mới, nâng cấp và sửa chữa các tuyến đường giao thông luôn là mối quan tâm lớn của Chính phủ Liên bang Nga. Đã có nhiều quy hoạch, hướng giải pháp, nhiều công nghệ mới được các nhà khoa học Nga, các kỹ sư cầu đường nghiên cứu đề xuất; thậm chí nhiều chính sách quốc gia đã được ban hành với nỗ lực đưa chất lượng các công trình cầu đường của Nga tiếp cận với các tiêu chuẩn quốc tế.

Theo ý kiến của nhiều chuyên gia, lời giải bài toán nêu trên còn tùy thuộc rất nhiều vào trình độ nghiên cứu và ứng dụng các công nghệ và kỹ thuật tiên tiến trong ngành cầu đường. Thực tiễn ghi nhận những năm gần đây, ngành cầu đường của Nga đã đạt được bước tiến vượt bậc về mặt công nghệ - kỹ thuật; các kỹ thuật hiện đại, các trang thiết bị, vật tư đạt chỉ số tin cậy cao ngày càng được ứng dụng rộng rãi. Điều này có ý nghĩa kinh tế đặc biệt, vì theo dự toán, giá thành của vật liệu thông thường chiếm tới hơn một nửa tổng giá thành toàn bộ tuyến đường.

Những vật liệu phổ biến, có tiềm năng ứng dụng vào lĩnh vực này tại Nga có thể lập thành danh mục khá dài. Nhựa epoxy là một vật liệu

tuyệt vời dùng cho các màng nhám mỏng bảo vệ phía trên lớp phủ đường. Nhựa epoxy do Nga sản xuất với ký hiệu ED-20, ED-16 và ED-5 được sử dụng rộng rãi không chỉ trong nước mà cả ở nước ngoài, chủ yếu để bảo vệ các kết cấu chống ăn mòn. Cấu trúc phân cực của nhựa epoxy khiến vật liệu này bám dính rất tốt với bất cứ loại vật liệu nào cùng có tính phân cực, độ bền cơ - lý và độ bền nhiệt cao. Song giá thành cao hạn chế phần nào việc sử dụng loại vật liệu này ngay tại thị trường nội địa.

Phụ gia từ chất thải amiăng có khả năng cải thiện rõ rệt chất lượng nhựa asphan nguội. Các phụ gia khoáng hoạt tính được chế tạo từ việc nghiền chất thải đồng thời với nhựa bitum và hoạt chất bề mặt. Vôi kỵ nước được hình thành từ bitum trong quá trình nghiền có tác dụng kéo dài thời hạn sử dụng, đơn giản hóa công đoạn bảo quản (ngoài trời), loại bỏ các ảnh hưởng bất lợi tới sức khỏe người lao động trên công trường thi công. Sỏi keramzit cũng có nhiều tiềm năng ứng dụng tại các vùng khan hiếm nguyên vật liệu đá. Các hoạt chất bề mặt và phụ gia hoạt tính bề mặt góp phần cải thiện độ

bám dính của nhựa bitum và nhựa chung với các vật liệu đá. Một số vật liệu được tái chế từ chất thải công nghiệp cần được sử dụng một cách thận trọng, bởi các vật liệu này có thể cùng lúc đưa lại những hiệu ứng khác nhau. Chẳng hạn, việc ứng dụng phụ gia tái chế từ chất thải công nghiệp trong bê tông asphan đạt một số hiệu quả nhất định, nhất là giá trị về mặt kinh tế. Tuy nhiên ở mức độ nào đó, chất lượng bê tông cũng bị giảm đi so với việc ứng dụng các chất thay thế từ bột khoáng.

Bên cạnh đó - theo các chuyên gia - hiện nay khi các tiến bộ khoa học kỹ thuật phát triển tương đối nhanh và mạnh, trong xây dựng và sửa chữa cầu đường cần ứng dụng các vật liệu mới, các kết cấu mới, công nghệ mới cũng như phương thức tổ chức sản xuất thi công cần được đổi mới đồng bộ.

Tập đoàn Avtodor của Nga là một trong những đơn vị tiên phong về áp dụng các công nghệ mới vào xây dựng cầu đường; dự án mới nhất Tập đoàn đang thực hiện là xây dựng tuyến đường quốc lộ cùng các công trình giao thông phụ trợ tại cửa ngõ thành phố Odinsovo. Thực hiện dự án này, các chuyên gia hàng đầu của Tập đoàn đã ứng dụng công nghệ của Đức để thiết kế, xây mới một tuyến đường, ứng dụng giải pháp công nghệ tiên tiến và các vật liệu mới có độ tin cậy cao tại những quốc gia hàng đầu của châu Âu.

CHLB Đức được coi là quốc gia đứng đầu thế giới trong lĩnh vực làm đường. Thiết kế các lớp phủ đường theo tiêu chuẩn Đức có ứng dụng vật liệu cách nhiệt polyuretan siêu bền và bê tông asphan chảy bảo đảm thời gian giãn cách giữa các lần sửa chữa sẽ tăng lên nhiều lần - theo kinh nghiệm áp dụng của các nước châu Âu.

Kết cấu áo đường gồm 07 thành phần được quy định tại Đức. Việc gia tăng độ dày các lớp bê tông asphan tới 30 cm và đổ 03 lớp áo đường sẽ bảo đảm độ bền cho áo trong các điều kiện thời tiết khác nhau, giảm tối đa các hư

hỏng có thể. Tại mỗi lớp áo đường, các chuyên gia luôn tiến hành thử năng lực chịu tải. Để điều khiển các máy móc xây dựng, các thiết bị công nghệ cao GPS được áp dụng triệt để, cho phép xác định chính xác độ bằng phẳng của nền đất cũng như các lớp phủ đường.

Các giải pháp công nghệ phi truyền thống trong lĩnh vực cầu đường của Nga cũng được ứng dụng khi xây cầu qua sông Chachenka. Phương pháp đổ bê tông cân bằng cho phép mở rộng khẩu độ gấp đôi, giảm số trụ, bảo toàn tính cân bằng sinh thái và các bãi bồi của sông. Cầu được xây với sự phối hợp của các chuyên gia Đức thuộc Tập đoàn đối tác PERI - đây là lần đầu tiên công nghệ xây cầu của Đức được áp dụng tại Nga.

Dọc theo chiều dài các tuyến đường trên lãnh thổ Liên bang hiện nay đều đang ứng dụng hệ thống thoát nước rất hiệu quả - sản phẩm nội địa theo công nghệ Đức. Tất cả nước thải bề mặt từ các lớp phủ đường đều được thu về những công trình có chức năng làm sạch tại chỗ, đảm bảo vệ sinh tới 50 - 70% lượng nước mưa, bùn thải.

Việc ứng dụng các lớp phủ có thành phần chất kết dính từ nhựa đường polymer trong áo đường (có đặt cốt bằng vải địa kỹ thuật) khi xây nền đường cao và ổn định đất nền; việc ứng dụng các hệ thống điều khiển thông minh đối với thiết bị máy móc làm đường; sự hợp tác chặt chẽ với các đơn vị tư vấn nước ngoài hàng đầu; ứng dụng nhiều giải pháp công nghệ phi truyền thống - tất cả những điều trên cho phép Tập đoàn Avtodor thực hiện thành công các dự án, tạo nên những sản phẩm chất lượng, giá trị, hoàn toàn đáp ứng các tiêu chuẩn châu Âu và phù hợp với điều kiện khí hậu của Nga.

Để nâng cao chất lượng công tác làm đường, một khía cạnh khác cũng hết sức quan trọng - đó là cơ giới hóa tổng thể và tự động hóa, có nghĩa là trong lĩnh vực này cần ứng dụng tuyệt đối các thiết bị, máy móc xây dựng. Tuy nhiên, còn tồn tại một số vấn đề "khấp

khẳng” giữa công suất của các thiết bị hiện đại với tốc độ xây dựng chung.

Những yêu cầu hiện nay đối với các máy xây dựng trong lĩnh vực cầu đường chủ yếu tập trung vào tính chuyên môn hóa của các máy lớn (công suất lớn) và tính tổng hợp của các máy móc nhỏ hơn; sử dụng các bộ phận vận hành đồng bộ với lớp bơm hơi nhằm bảo đảm tính cơ động cao; ưu tiên thiết kế các thiết bị tự hành; ứng dụng hệ thống thủy lực trong dẫn động và điều khiển; ứng dụng rung nén như hoạt động cơ bản (búa rung, máy đầm rung, ...) cũng như hoạt động hỗ trợ nhằm nâng cao năng suất của các máy móc thiết bị (khi nghiền vỡ đá cần bổ sung lực đập, nén và ma sát; khi đầm lăn cần bổ sung áp suất tĩnh để tăng hiệu quả cắt đất bằng các thiết bị đào đất...); sử dụng các loại dầu mỡ bôi trơn tốt; phối hợp đồng bộ các thiết bị máy móc nhằm đảm bảo việc vận hành đạt hiệu suất tối ưu; giảm thiểu công tác và chi phí sửa chữa máy móc.

Hiện nay, tính đa dạng của kỹ thuật làm đường buộc các nhà thầu phải lựa chọn sử dụng thiết bị phù hợp. Có nhiều nhóm thiết bị. Ví dụ, khó có thể hình dung công tác xây sửa lớp phủ đường nếu thiếu máy gạt ủi và máy san đất tự hành. Đây đều là những thiết bị đa năng, phạm vi sử dụng khá lớn - vệ sinh các mái dốc, dỡ bỏ các lớp đất dư thừa, san bằng bề mặt... Ở công tác này, các máy xúc với gầu xúc về cơ bản vẫn đóng vai trò là những thiết bị đào đất.

Các thiết bị đầm rung rất cần thiết cho công tác đầm lèn đá dăm, đất, cát. Thị trường Nga đã biết tới những thiết bị nhỏ gọn về kích thước, song hiệu suất rất cao; phổ biến nhất là thiết bị vận hành động cơ diesel và điện; động cơ chạy xăng cũng có nhưng không nhiều.

Để các máy xây dựng trong thi công làm đường có thể vận hành toàn thời gian, đạt công suất tối đa, khi lựa chọn trước hết các nhà thầu luôn chú trọng tới vật liệu cơ bản của vỏ máy, thân máy, tới việc có hay không có hệ thống phun nước (vì nếu thiếu hệ thống này việc đầm

lăn asphan sẽ không thể thực hiện). Ngoài ra, một tiêu chí ưu tiên trong lựa chọn của nhóm thiết bị này là có hệ thống tự động lùi.

Trong kỹ thuật cầu đường, các máy lăn rung rất đa năng không chỉ bởi vì đây là những thiết bị tổng hợp cần thiết để san phẳng các lớp phủ đường. Các máy lăn rung hiện nay được trang bị bộ dẫn động thủy lực có chức năng rung nén, nhờ đó tăng hiệu quả công tác đầm lèn. Bên cạnh đó, nhóm thiết bị này còn có thể áp dụng cả khi đào hào rãnh, xây kè hoặc đắp đường. Các thiết bị đầm rung có thể tự hành hoặc có đầu kéo.

Hiện trên thị trường xây dựng cầu đường Nga đang phổ biến các thiết bị đầm rung được sử dụng để tiến hành các công tác đất khi đắp hào rãnh, lấp móng. Các thiết bị này nổi bật ở khả năng thông hành và tính cơ động cao. Hầu hết các thiết bị đầm rung được trang bị hệ thống điều khiển từ xa, do đó đơn giản hóa công việc của các công nhân - kỹ sư trên công trường thi công.

Các thiết bị làm đường áp dụng để trát, xoa phẳng được đưa vào nhóm các thiết bị làm phẳng bề mặt. Về nguyên tắc, thiết bị này được ứng dụng tại những vị trí không thể sử dụng thiết bị rung, có chức năng làm bề mặt đường bằng phẳng.

Các thiết bị tạo rãnh được sử dụng trong sửa chữa và xây đường, khi cần tạo các khe rãnh trong các kết cấu nhựa asphan. Hiện nay thị trường Nga đang phổ biến các thiết bị tạo rãnh chạy điện, xăng và cả động cơ diesel.

Về mùa hè, để bảo trì bảo dưỡng các con đường, các xe phun nước (xe tưới đường), các thiết bị san phẳng ổ gà, trám khe nứt và một số máy móc chuyên dụng khác được sử dụng.

Trong các khu vực nội đô, để hoạt động của các phương tiện giao thông công cộng cũng như phương tiện cá nhân không bị gián đoạn, việc trám vết nứt, san lấp các hố, ổ gà cần được tiến hành khẩn trương, đảm bảo thời gian thi công ngắn nhất có thể. Hiện nay, Nga đang áp dụng công nghệ tiên tiến phổ biến tại nhiều nước

châu Âu khác, đảm bảo công tác sửa chữa đạt hiệu quả cao cả về mặt mỹ quan, chất lượng và kinh tế - đó là tiêm vữa (hoặc keo) vào khe nứt. Bản chất của công nghệ này như sau: Những hư hỏng trong kết cấu nhựa asphan được lấp đầy bằng hỗn hợp đá dăm hạt nhỏ lọc rửa kỹ (kích cỡ hạt tối đa 15 mm) trộn với nhũ tương nhựa bitum phân hóa nhanh trong khoảng thời gian tối đa 30 phút, đồng thời không cần phay mặt đường, cũng không cần đợi để đầm lèn các lớp phủ kế tiếp - ưu điểm của công nghệ là toàn bộ các công đoạn sửa đường được thực hiện bởi bộ phận điều hành duy nhất, và thời gian thi công giảm đáng kể.

Về mùa đông, để thực hiện công tác bảo trì bảo dưỡng đường, tại Nga, ngoài các thiết bị chuyên dụng còn cần các máy xúc tuyết, xe chở tuyết, các thiết bị phân phối vật liệu để phân bổ các vật liệu như hỗn hợp muối cát trên khắp bề mặt lớp phủ đường nhằm chống trơn trượt, tăng độ bám dính.

Theo các chuyên gia Nga, vấn đề bảo

dưỡng và sửa chữa đường hiện nay cũng cần được chú trọng ngang với việc xây mới các tuyến đường quốc lộ, đường giao thông trên cả nước. Mỗi mùa sửa chữa qua đi, thị trường Nga lại ghi nhận sự xuất hiện của những máy móc thiết bị hoàn thiện hơn, đa năng hơn mà việc ứng dụng các thiết bị này cho phép cơ giới hóa và tự động hóa quy trình xây và sửa đường. Các doanh nghiệp, các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực này được Nhà nước khuyến khích và dành những ưu đãi đặc biệt cho việc phổ biến, ứng dụng các công nghệ mới, các kỹ thuật tiên tiến để nhanh chóng cải thiện hiện trạng các con đường, qua đó nâng cao mức độ an toàn và thuận lợi cho hoạt động giao thông của toàn Liên bang.

A. Malov

*Nguồn: Báo Xây dựng Nga số 22
(ngày 30/5/2014)*

ND: Lê Minh

Nga ứng dụng công nghệ mô hình hóa thông tin (BIM) trong lĩnh vực xây dựng

Đổi mới trong lĩnh vực xây dựng luôn nhận được sự quan tâm lớn của toàn xã hội. Phần lớn những đổi mới, những cải cách được ghi nhận trong lĩnh vực này đều dành cho vật liệu xây dựng. Trong những năm gần đây, cùng với sự phát triển vượt bậc của công nghệ thông tin, mô hình hóa thông tin trong xây dựng (BIM - Building Information Modeling) cũng đã trở thành chủ đề nóng trên các diễn đàn, trong các hội nghị bàn tròn và trong thực tế xây dựng của Nga.

Trước tiên cần hiểu rõ khái niệm - mô hình hóa thông tin cho một công trình xây dựng là quy trình thiết lập tổng thể và sử dụng các hình ảnh được số hóa về các đặc tính của công trình (lý tính, các tính chất về chức năng, công nghệ, thẩm mỹ, giá thành...), tạo lập cơ sở vững chắc để từ đó đề ra các giải pháp cần thiết trong toàn

bộ vòng đời công trình.

Trong vài thập kỷ gần đây, xu thế đổi mới đang dần “chối bỏ” các phương pháp thiết kế và xây dựng truyền thống, khi thực hiện việc chuyển các thông tin, dữ liệu thiết kế trên giấy tờ sang công nghệ mô hình hóa thông tin các tòa nhà/ công trình. Có thể coi đây là cuộc cách mạng số trong xây dựng.

Với BIM, các hồ sơ công việc, hồ sơ thiết kế luôn được bảo đảm phù hợp, bởi về thực chất đây đều là những sản phẩm mô hình hóa. Mô hình cho phép thiết kế công trình tương lai, thực hiện việc phân tích các đặc tính của công trình ngay từ những giai đoạn sớm - tức là có khả năng thay đổi và tối ưu hóa các thông số mà không gây thiệt hại về vốn đầu tư. Việc xây dựng tòa nhà/ công trình trước hết trên máy tính

sẽ cho phép loại bỏ rất nhiều sai phạm; xác định phương thức sản xuất tối ưu cho các loại kết cấu khác nhau; thúc đẩy sự hợp tác chặt chẽ hơn giữa các kiến trúc sư, các nhà xây dựng và bên đặt hàng.

Mô hình hóa các tính chất hình học của công trình, phân tích và kết nối mô hình với lịch trình thi công, mô hình hóa quy trình xây dựng (4D); xác định nguyên vật liệu, chuyển mô hình vào các chương trình số (5D) - thông qua những quy trình này, BIM luôn bảo đảm độ tin cậy và độ chính xác cao của thiết kế. Chất lượng của các dự án qua đó cũng được nâng lên. Tất cả những thay đổi cần thiết đều được thể hiện trực tiếp trên mô hình. Các thay đổi sẽ được tự động phản ánh tại tất cả các vị trí - các mặt dựng, các góc cắt. Thậm chí cả những điều mà trước đây các nhà xây dựng cần phải ghi nhớ khi có một thay đổi nào đó trong thiết kế, giờ đây cũng được thể hiện rõ trên máy tính.

Tuy nhiên, con người vẫn là yếu tố chủ đạo trong toàn bộ quy trình. Con người tiếp nhận và thông qua các giải pháp. Mô hình trên máy tính không thể bảo đảm chất lượng cho dự án.

Tại Nga hiện nay đã có hàng trăm doanh nghiệp, công ty ứng dụng BIM vào những mục đích khác nhau của các dự án xây dựng; trong đó cần nhắc tới Tập đoàn quốc gia Infars, đối tác nhiều năm của Autodesk - nhà lập trình hàng đầu thế giới trong rất nhiều lĩnh vực khác nhau: xây dựng dân dụng và xây dựng công nghiệp, chế tạo máy, thông tin địa chất, các phương pháp số trong chuyển giao thông tin và liên lạc không dây... Và cho dù chưa có một số liệu thống kê chính thức nào, việc ứng dụng thành công công nghệ này đã quảng bá cho hiệu quả ban đầu của "các chỉ số tiết kiệm". Cụ thể là với BIM, quá trình thiết kế có thể được rút ngắn 20 - 25% thời lượng so với giải pháp truyền thống. Điều này liên quan tới việc dễ dàng đưa vào thiết kế các thay đổi - nhất là những thay đổi ở các giai đoạn hoàn thiện dự án. Các dự toán sẽ được lập tại những giai đoạn



BIM cho phép giám sát từng giai đoạn trong toàn bộ vòng đời công trình xây dựng

sớm hơn, và chính xác hơn. Chất lượng hồ sơ thiết kế cũng cao hơn. Chính điều này giúp rút ngắn thời gian thi công. Nhiều công ty tư vấn thiết kế & xây dựng trong nước ứng dụng BIM đã khẳng định khả năng tiết kiệm từ 10 - 20% thời gian thi công. Các ưu điểm này cùng nhiều ưu điểm khác của công nghệ đã được coi là luận cứ thuyết phục nhất cho yêu cầu ứng dụng rộng rãi BIM trong các dự án xây dựng cấp quốc gia.

Anh là một trong những quốc gia châu Âu có vốn kinh nghiệm phong phú ứng dụng BIM trong các dự án xây dựng. BIM trở thành hạt nhân cơ bản trong chiến lược đổi mới ngành Xây dựng của Anh từ năm 2011. Theo chiến lược này, từ năm 2016 tất cả các dự án thực hiện bằng vốn ngân sách của Chính phủ Anh bắt buộc phải ứng dụng BIM. Mục tiêu đặt ra của chiến lược là: Đối với các giai đoạn chi phí cơ bản (thiết kế và xây dựng) cần bảo đảm giảm chi phí tới 20%. Ngay từ những dự án thử nghiệm, các nhà xây dựng đã đạt được chỉ tiêu này. Còn theo chiến lược mới của Anh "Xây dựng - 2025" chỉ tiêu mới được đề ra là giảm 33% chi phí; giảm 50% thời gian thực hiện toàn bộ dự án; đồng thời giảm 50% lượng phát thải khí nhà kính từ các công trình xây dựng cơ bản. Và nếu năm 2013, công nghệ BIM phủ được 54% công trình xây dựng Anh, thì con số mục tiêu hướng tới năm 2018 là 95%.

Để ứng dụng rộng rãi BIM vào tất cả các lĩnh

vực của nền kinh tế quốc dân Nga - trong đó có xây dựng - cần giải quyết một loạt vấn đề, và điều quan trọng là cần nhận được sự ủng hộ tích cực của Nhà nước.

Tháng 3/2014, hội nghị của Hội đồng các lãnh đạo cao cấp Liên bang do Tổng thống Nga V.Putin chủ trì đã thảo luận về vấn đề mô hình hóa nền kinh tế và sự phát triển của đất nước theo xu hướng đổi mới. Một trong những chủ đề chính của hội nghị là những đổi mới trong ngành Xây dựng hiện đại của Nga. Hội nghị đã thông qua Biên bản ghi nhớ số 2 (ngày 13/3/2014), trong đó nêu rõ “giao cho Bộ Xây dựng Liên bang Nga, Cơ quan Tiêu chuẩn Nga phối hợp với Hội đồng giám định của Chính phủ Liên bang cùng các Viện nghiên cứu chuyên ngành biên soạn và phê chuẩn chương trình kế hoạch ứng dụng BIM trong lĩnh vực xây dựng dân dụng và xây dựng công nghiệp cho từng giai đoạn cụ thể, bao gồm cả khả năng giám định hồ sơ thiết kế ứng dụng công nghệ này”.

Đây là bước tiến đầu tiên rất có ý nghĩa trên lộ trình xóa bỏ mâu thuẫn giữa một bên là các công nghệ đổi mới, và một bên là các tiêu chuẩn hiện hành đã không còn phù hợp hiện thực khách quan và các quy tắc tổ chức công việc trong toàn hệ thống xây dựng Nga.

Tháng 12/2014, Chương trình kế hoạch ứng dụng BIM trong ngành Xây dựng Nga đã được phê chuẩn tại Sắc lệnh số 926/pr ngày 29/12/2014 của Bộ Xây dựng Liên bang Nga.

Trước đó, từ năm 2013, Ủy ban về hoàn thiện các thủ tục đấu thầu và hoạt động cải cách thuộc Hiệp hội các nhà thầu xây dựng & thiết kế Nga đã khởi động công việc với BIM. Những đánh giá, phân tích về mặt pháp lý các hoạt động xung quanh mỗi dự án xây dựng được thực hiện nhờ BIM.

Bên cạnh đó, cần ghi nhận sự góp sức thúc đẩy việc ứng dụng BIM vào lĩnh vực xây dựng của các Tập đoàn, các đơn vị trong ngành. Dự án xây dựng đầu tiên của Nga có ứng dụng BIM thuộc công ty Gradproekt. Ngoài bộ hồ sơ thiết

kế tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật, việc giám sát dự án được thực hiện thông qua mô hình thông tin tổng thể của công trình xây dựng cơ bản - bệnh viện 550 giường tại quận Vatutinki Mới (Moskva). Mô hình thông tin gồm các phần: kiến trúc, kết cấu, hệ thống sưởi và thông gió, cấp thoát nước, cấp điện, chiếu sáng và các hệ thống phụ trợ khác. Đây là dự án thử nghiệm đầu tiên của Nga ứng dụng BIM, việc giám định hoàn thành sớm hơn 04 ngày so với thời gian dự kiến. Nhiều dự án khác ứng dụng BIM đã được triển khai rất hiệu quả tại các thành phố trên toàn Liên bang: tổ hợp khách sạn ở Alushta - Crimea; bệnh viện Aleksandrovsкая tại Saint Peterburg... Theo bà Angielika Stepanichenko, Tổng Giám đốc Tập đoàn Infars, tổ hợp khách sạn Alushte ứng dụng BIM đã giảm được 30% thời gian thực hiện dự án; tiết kiệm 10% giá thành dự án do phát hiện sớm các mâu thuẫn trong thiết kế; giảm tới 80% thời gian lập dự toán, mặt khác tăng độ chính xác của các dự toán công trình lên 3%; giảm được 30% rác thải và phế liệu.

BIM đáp ứng yêu cầu của các nhà thiết kế về những thông tin cần thiết từ các mô hình số hóa. Ưu điểm của BIM thể hiện rất rõ: Mô hình cho phép quan sát toàn bộ công trình từ bên trong, ở tất cả các mối tương quan lập thể và trong từng chi tiết của các giải pháp kỹ thuật cũng như giải pháp về hình khối cấu trúc, và của các loại vật liệu cũng như trang thiết bị ứng dụng trong thi công công trình.

Theo bà Olga Paponova - Cơ quan giám định quốc gia các công trình xây dựng - BIM vô cùng hữu ích đối với công tác giám định vì có thể thu nhận những thông tin chi tiết hơn về các vật liệu của một yếu tố kiến trúc nào đó (cửa sổ, cửa ra vào, tường, trần, sàn...). Bà cũng đánh giá cao khả năng tuyệt vời của BIM trong việc cung cấp những thông tin chính xác các thông số hình học tiêu chuẩn của các kết cấu, hoặc của các gian phòng trong một tổ hợp công trình.

BIM đang được tiếp cận và triển khai ứng

dụng trên toàn Liên bang Nga. Công nghệ BIM cho thấy khả năng đạt được tốc độ cao, khối lượng và chất lượng, đồng thời tiết kiệm nguồn vốn ngân sách đáng kể trong thực hiện các dự án xây dựng. Hy vọng trong những năm tới đây, BIM còn tiến xa hơn nữa vào thị trường xây dựng Nga, và không chỉ phát huy ưu thế trong

lĩnh vực này mà ở mọi lĩnh vực của nền kinh tế quốc dân.

Marina Korol

Nguồn: Báo Xây dựng Nga số 10

(ngày 08/3/2015)

ND: Lê Minh

Điểm mấu chốt trong xây dựng đô thị thông minh của Trung Quốc

Ngày nay, công nghệ thông tin đã trở thành động lực mạnh mẽ nhất thúc đẩy xã hội tiến bộ và phát triển, đồng thời, thông tin cũng dần hòa nhập vào trong đời sống xã hội, hòa nhập vào toàn quá trình phát triển đô thị. Sự hòa nhập này sẽ trực tiếp phản ánh tốc độ phát triển nhanh chóng của đô thị, đó là phát triển hướng đến mục tiêu thông minh hóa. Có thể nói, công nghệ thông tin là sản phẩm tất yếu thúc đẩy xây dựng đô thị thông minh, thể hiện sự hội nhập sâu của công nghiệp hóa, đô thị hóa, thông tin hóa, thể hiện sự tích hợp toàn diện phát triển của công nghệ thông tin với công nghiệp hóa, nông nghiệp, xã hội...

Trong quá trình hội nhập công nghệ thông tin và phát triển đô thị, làm sao để mạng băng thông rộng, mạng di động nhận được hiệu ứng tích cực trên toàn thế giới về khái niệm phát triển đô thị thông minh nhanh chóng, trong hiện tại và tương lai sẽ trở thành điểm nóng, tiêu điểm, điểm đột phá về phát triển đô thị. Các quốc gia trên thế giới và một số khu vực phát triển, trong phạm vi nhất định, đều mở rộng việc tìm hiểu xây dựng đô thị thông minh. Xây dựng đô thị thông minh đã trở thành xu hướng phát triển đô thị trên toàn thế giới, là khái niệm mới và mô hình mới trong phát triển đô thị, là chiến lược quan trọng trong việc thiết lập ưu thế cạnh tranh dài hạn và kích thích kinh tế phát triển.

Nước Mỹ đã đưa công tác xây dựng đô thị thông minh lên cấp độ cao trong chiến lược của quốc gia; đô thị thông minh tại các nước châu

Âu càng được quan tâm hơn về môi trường sinh thái và sự hình thành của nền kinh tế thông minh; một số quốc gia châu Á và khu vực, thông qua việc xây dựng đô thị thông minh, tích cực trau dồi ngành công nghiệp mới, chú trọng hơn đến việc bảo vệ môi trường và cung cấp chất lượng dịch vụ cho người dân.

Đối với Trung Quốc, trong 30 năm cải cách và mở cửa, nền kinh tế nước này đã đạt được những thành tựu to lớn, sự tiến bộ nhanh chóng của công nghiệp hóa, tỷ lệ đô thị hóa cũng không ngừng tăng. Mặc dù quá trình phát triển công nghiệp hóa của Trung Quốc chưa mạng lại nhiều thay đổi cho xã hội, mức độ công nghiệp hóa và thông tin hóa vẫn tụt hậu xa so với các quốc gia phát triển, nhưng cùng với tốc độ phát triển của thông tin, toàn cầu hóa kinh tế, khoảng cách lớn giữa Trung Quốc và thế giới đã không ngừng khơi dậy sự nhiệt tình trong xây dựng, khơi dậy sự năng động của toàn dân tộc. Công tác xây dựng đô thị thông minh của Trung Quốc cũng đã đạt được những thành tựu nhất định.

Hiện nay, mạng 3G cơ bản đã được phủ tại các đô thị của Trung Quốc, tỷ lệ các hộ dân sử dụng cáp quang cũng tăng nhanh chóng, tỷ lệ phổ cập băng thông rộng được nâng cao toàn diện, mạng 4G cũng bắt đầu được triển khai và sử dụng ở một số thành phố. Mức độ xây dựng cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin đô thị tăng nhanh, việc xây dựng và phát triển đô thị thông minh sẽ mang lại một nền tảng tốt.

Ngày nay ý nghĩa của đô thị thông minh còn bao hàm những nội dung mới, do đó, mục tiêu phát triển lại có những hướng đi mới. Hiện nay, Trung Quốc có hơn 300 đô thị đề xuất thực hiện xây dựng đô thị thông minh, có hơn 80% đô thị cấp II (là những đô thị có dân số trên 3 triệu người hoặc có kinh tế phát triển, mức tiêu thụ cao, là đô thị có sức ảnh hưởng lớn đến kinh tế và xã hội trên cả nước) đề xuất xây dựng đô thị thông minh. Điều này thể hiện tinh thần quán triệt thực hiện chiến lược “4 đồng bộ hóa” (công nghiệp hóa, thông tin hóa, đô thị hóa, nông nghiệp hóa) đã đề xuất trong Đại hội Đảng lần thứ XVIII được tổ chức vào năm 2012 tại thủ đô Bắc Kinh.

Tuy công tác xây dựng đô thị thông minh ở Trung Quốc tăng cao, nhưng về các phương diện ý tưởng và quan niệm, phương pháp và mô hình, tiêu chuẩn và quy định... vẫn còn có khoảng cách so với các quốc gia khác. Hơn nữa, ngành công nghiệp dịch vụ thông tin chưa đáp ứng được nhu cầu ứng dụng ngày càng phát triển của đô thị. Ngoài các thành phố lớn như Bắc Kinh, Thượng Hải, Quảng Châu..., hầu hết hạ tầng thông tin tại các đô thị trên toàn quốc đều tụt hậu so với tốc độ phát triển nhanh chóng của kinh tế và xã hội; cư dân đô thị thường thiếu kỹ năng thông tin cơ bản, kỹ năng thông tin của người dân trên cả nước cần được nâng cao... Chính những điều này đã hạn chế sự phát triển đô thị thông minh trên toàn đất nước Trung Quốc.

Do nền tảng xây dựng đô thị ở Trung Quốc yếu kém, hiện nay, tiến trình đô thị hóa của Trung Quốc đang phải đối mặt với cơ hội và thách thức lớn. Dựa trên nền tảng xây dựng thông tin hóa đô thị tương đối yếu kém, bắt đầu tiến trình thực hiện đô thị thông minh hoàn toàn mới. Một mặt, công nghệ thông tin mang lại động lực lớn để thúc đẩy phát triển đô thị thông minh. Trong tiến trình thông tin hóa đô thị và chiến lược thúc đẩy các ngành công nghiệp mới nổi, xây dựng đô thị thông minh cũng trở thành

nhu cầu khách quan trong việc chuyển đổi và phát triển đô thị ở Trung Quốc; nâng cao chất lượng đô thị, tăng cường lực cạnh tranh cho đô thị, nâng cao năng lực dịch vụ công cộng đô thị cũng là lựa chọn tất yếu. Mặt khác, thông tin đã trở thành một phần quan trọng của nguồn lực xã hội. Xây dựng đô thị hiện đại không chỉ cần tài nguyên thiên nhiên, mà còn cần các nguồn thông tin. Nhu cầu hướng đến thông minh cũng chính là phát triển xã hội hiện đại, cũng là điều tất yếu trong phát triển đô thị. Đối với việc xây dựng đô thị, đây là chiến lược, cũng là yêu cầu thực tế. Để xây dựng đô thị thông minh, cần hòa nhập công nghệ thông tin, nguồn thông tin vào trong quá trình xây dựng đô thị.

Trong quá trình xây dựng đô thị thông minh, cần thúc đẩy sự chuyển đổi, nâng cấp, phát triển của đô thị, dựa trên thực tế phát triển đô thị, giải quyết những vấn đề lớn trong phát triển đô thị, từ mục tiêu phát triển lâu dài của đô thị, thiết kế quy hoạch tốt đô thị, đồng thời, quan tâm đến quy hoạch xây dựng đô thị thông minh và các quy hoạch khác. Cần lưu ý đến việc, xây dựng đô thị thông minh là một hạng mục quan trọng, cần nắm bắt tốt các điểm mấu chốt mới có thể tránh tạo ra các đường vòng trong quá trình xây dựng.

Điểm mấu chốt thứ nhất

Xây dựng đô thị thông minh mang tính toàn cục, dài hạn, thực hiện thiết kế cấp cao nhất, từ đó tích hợp sức mạnh, thống nhất tư tưởng, đưa công tác xây dựng đô thị thông minh gắn với nhu cầu phát triển của đô thị.

Cần thực hiện quy hoạch một cách toàn diện, dài hạn đối với công tác xây dựng đô thị thông minh, cần phải bắt đầu từ việc xây dựng đô thị thực tế, dựa trên nền tảng phát triển của đô thị, tìm ra điểm mang tính đột phá trong phát triển và xây dựng đô thị thông minh. Các cơ quan chức năng cần xem xét nhu cầu xây dựng trước mắt và trong tương lai, tôn trọng ý kiến của các cơ quan khác nhau, cũng cần hiểu rõ kỳ vọng của người dân trong việc xây dựng đô

thị thông minh và mục tiêu phát triển đô thị. Xây dựng đô thị thông minh cần thực hiện từng bước, ngoài việc dựa vào kinh nghiệm xây dựng hiện có ra, còn cần phải học nội dung và tư tưởng mới mà công nghệ thông tin mang lại, cũng như kinh nghiệm xây dựng đô thị thông minh của các quốc gia và khu vực khác.

Điểm mấu chốt thứ 2

Xây dựng đô thị thông minh cần quay về bản chất của đô thị, từ góc độ xây dựng đô thị để hướng đến thông minh, chứ không phải từ thông minh hướng đến đô thị. Có người định nghĩa đô thị thông minh chính là đem thiết bị cảm ứng ứng dụng vào tất cả mọi thứ trong đô thị và thường xuyên kết nối với nhau, hình thành “vật liên kết”, sau đó đưa “vật liên kết” hợp nhất với mạng internet hiện có, cung cấp mô hình dịch vụ mới thuận tiện hơn, hiệu quả và linh hoạt hơn đối với công tác quản lý trong đô thị. Phải thừa nhận rằng, sự xuất hiện “vật liên kết” đã tạo động lực phát triển mạnh mẽ đối với công tác xây dựng đô thị. Các mạng khác nhau đã biến thế giới thực trở thành thế giới kỹ thuật số, khiến con người có thể “ngồi trong nhà nhưng nhìn ra được thế giới”. Tuy nhiên, các dữ liệu và các ứng dụng công nghệ thông tin chưa phải là toàn bộ trong công tác xây dựng đô thị thông minh, thiết lập vật liên kết cũng chỉ là đặt nền móng để xây dựng đô thị thông minh. Vật lý xây dựng không thể thay thế cho quản lý khoa học, chưa kể việc xây dựng đô thị thông minh cơ bản là xây dựng đô thị, chứ không phải là xây dựng công nghệ thông tin. Nếu coi công nghệ là điểm khởi đầu trong xây dựng đô thị, có thể dẫn đến kết quả xây dựng và nhu cầu thực tế cách xa nhau, hoặc là xây dựng một hệ thống tiên tiến, nhưng các giai đoạn phát triển đô thị lại không trùng khớp nhau, từ đó cũng dẫn đến sai lệch ý nghĩa thực sự về xây dựng đô thị thông minh.

Điểm mấu chốt thứ 3

Xây dựng đô thị thông minh đòi hỏi phải có một hệ thống thông tin mức độ cao, nền tảng an

sinh xã hội chất lượng cao, hệ thống thu thập thông tin toàn diện. Trong quá trình xây dựng nền tảng thông tin cho đô thị thông minh, hỗ trợ công nghệ thông tin cơ bản, tập hợp dữ liệu và chia sẻ chính là điểm mấu chốt của vấn đề. Không thể phủ nhận rằng, mục đích xây dựng đô thị thông minh là làm cho cư dân đô thị được tận hưởng những dịch vụ và sống trong xã hội tốt hơn, mang lại lợi ích cho công đồng. Nền tảng quản lý đô thị thông minh cần phải phù hợp với giai đoạn phát triển đô thị, phù hợp với nhu cầu thực tế của đô thị.

Điểm mấu chốt thứ 4

Cần thay đổi những thành tựu hình thành chưa đúng trong quá trình xây dựng đô thị. Xây dựng đô thị thông minh không phải là một sân khấu để trình diễn. Để thay đổi những việc đã hình thành trong nhiều năm qua không phải việc một sáng một chiều. Dưới sự thúc đẩy của công nghệ thông tin, tiến trình phát triển xây dựng đô thị thông minh sẽ lớn mạnh vượt bậc, việc cải tiến cơ chế quản lý tổ chức và lựa chọn cán bộ bổ nhiệm phù hợp với tình hình mới là điểm mấu chốt trong xây dựng. Xây dựng đô thị thông minh là một nhiệm vụ lâu dài, chỉ có bắt đầu mà không có kết thúc, bởi vì người dân luôn theo đuổi một cuộc sống tốt hơn và nhu cầu sẽ không dừng lại,. Đáp ứng nhu cầu vật chất và văn hóa ngày càng tăng của cộng đồng là mục tiêu lâu dài trong phát triển xã hội.

Điểm mấu chốt thứ 5

Nền móng xây dựng đô thị thông minh là tích hợp và xây dựng các nguồn dữ liệu. Cần tích hợp và chia sẻ dữ liệu giữa các định dạng dữ liệu, giữa các ban ngành, ngành công nghiệp và hệ thống khác nhau; khai thác chuyên sâu nguồn dữ liệu, sử dụng đầy đủ nguồn dữ liệu và các kỹ thuật liên quan khác, hình thành nguồn dữ liệu hỗ trợ các quyết sách đối với đô thị thông minh. Do đó, trong nền tảng xây dựng đô thị thông minh, ngoài xây dựng phần cứng, điều quan trọng hơn là xây dựng nguồn dữ liệu, không có dữ liệu xem như không có cơ sở để

tạo ra tính thông minh, không có cơ sở để tạo ra các quyết sách cho đô thị thông minh.

Điểm mấu chốt thứ 6

An toàn thông tin là vấn đề khó trong xây dựng đô thị thông minh. Việc lưu trữ một khối lượng thông tin khổng lồ là việc cần phải làm trong xây dựng đô thị thông minh. Trong xây dựng đô thị thông minh, dòng chảy thông tin sẽ trở thành “huyết mạch” để chuyển động đô thị. Có thể nói, trong xây dựng đô thị thông minh, phần cứng của thông tin là hỗ trợ, dữ liệu lớn là nền tảng, mở rộng phát triển là cốt lõi, đáp ứng nhu cầu của cư dân và phát triển đô thị là phương hướng xây dựng đô thị thông minh. Dữ liệu không an toàn chính là phát triển xây dựng đô thị thông minh không thuận lợi; chỉ khi dữ liệu được đảm bảo an toàn, mới có thể quản lý tốt đô thị thông minh.

Đô thị thông minh là mở rộng hội nhập và đan xen quy hoạch, xây dựng, vận hành, quản lý và thông tin hóa trong đô thị. Do có cấu trúc

phức tạp và bề mặt rộng, nên cần phải có sự hỗ trợ lẫn nhau giữa xây dựng đô thị và công nghệ thông tin. Vì vậy, trước khi xây dựng đô thị thông minh, việc đầu tiên cần làm là xác định rõ ràng mục đích xây dựng, thực hiện quy hoạch tổng thể, ngăn chặn việc xây dựng mù quáng và phát triển thiếu quy hoạch. Thiết kế quy hoạch đô thị thông minh cần căn cứ vào bản sắc của đô thị, đáp ứng các yêu cầu chức năng đô thị, thể hiện đầy đủ nét đặc trưng của đô thị, phản ánh sự khác biệt của đô thị thông minh với các yếu tố kinh tế, nhân văn, địa lý... Nắm bắt các điểm mấu chốt, xem các điểm mấu chốt là các bước đột phá, từ đó dẫn dắt việc xây dựng và phát triển cân bằng đô thị thông minh.

Lý Tân Xã

Viện phó Viện nghiên cứu khoa học và công nghệ điện tử

Nguồn: <http://www.zgghw.org>

ND: Bích Ngọc

4 điểm đổi mới trong công tác phát triển xây dựng xanh của Trung Quốc

Phát triển xây dựng xanh là một trong những phương pháp thực hiện phát triển đô thị và nông thôn, đặc biệt là thực hiện chuyển đổi phương thức xây dựng, tăng cường thúc đẩy tiến trình thực hiện thị trường xây dựng xanh, thiết lập thị trường giữ vị trí chủ thể, dần thay thế các phương pháp cưỡng chế của Nhà nước. Đây là một cuộc cách mạng đối với mô hình xây dựng truyền thống. Đối mặt với “chuẩn mực mới” trong phát triển xây dựng xanh, Trung Quốc phải dựa vào 4 điểm đổi mới để thúc đẩy xây dựng xanh phát triển bền vững.

Điểm thứ nhất: Đổi mới mô hình phát triển xây dựng xanh

Bước đầu trong phát triển xây dựng xanh của Trung Quốc chủ yếu là do đơn vị thi công dự án hay các nhà phát triển tình nguyện mở rộng thiết kế xây dựng xanh thông qua sự

hướng dẫn của Chính phủ. Mô hình này không phải là kế hoạch phát triển, cũng không có mục tiêu rõ ràng, nên rất khó để hình thành và phát triển một cách có quy mô và hệ thống.

Hiện nay, các cơ quan chức năng của Trung Quốc đã đưa ra một loạt các biện pháp để điều chỉnh và nâng cấp cơ cấu thị trường xây dựng cũng như phương hướng phát triển thị trường xây dựng xanh trong tương lai. “Tiêu chuẩn đánh giá xây dựng xanh” (GB- T50378-2014) mới được sửa đổi thành tiêu chuẩn quốc gia, bắt đầu có hiệu lực từ ngày 01/01/2015. Một tiêu chuẩn quốc gia mới về lĩnh vực xây dựng xanh “Tiêu chuẩn tiêu hao năng lượng xây dựng” dự kiến sẽ được ban hành trong thời gian tới. Những tiêu chuẩn này đưa ra các yêu cầu rõ ràng về tỷ lệ sử dụng năng lượng tái tạo, đồng thời còn có chính sách hướng dẫn và

chính sách ưu đãi cho các doanh nghiệp, có cơ chế hỗ trợ, giai đoạn đánh giá, phương pháp đánh giá khoa học và hợp lý, hệ thống chỉ số đánh giá hoàn hảo, góp phần thúc đẩy xây dựng xanh phát triển trên quy mô lớn, đẩy nhanh tiến trình thị trường hóa xây dựng xanh.

Xây dựng xanh đã được nâng lên tầm chiến lược quốc gia. Để thực hiện đổi mới mô hình phát triển xây dựng xanh, cần phải kết hợp phát triển xây dựng xanh với các dự án thí điểm xây dựng quốc gia; kết hợp phát triển xây dựng xanh với các loại dự án đầu tư xây dựng của Chính phủ; kết hợp với các dự án xây dựng khu sinh thái; kết hợp trong đổi mới công nghệ; kết hợp phát triển xây dựng xanh trong quy hoạch sinh thái đô thị và nông thôn; làm sao để mô hình phát triển xây dựng xanh được đổi mới, thể hiện rõ tốc độ phát triển nhanh chóng.

Điểm thứ hai: Đổi mới quan niệm thiết kế xây dựng xanh

Do thời gian phát triển xây dựng xanh của Trung Quốc ngắn, thiếu kinh nghiệm thực tiễn, nên một số dự án xây dựng hiện nay, khi thiết kế xây, không xem xét tổng thể công tác xây dựng xanh, không thực hiện triển khai thiết kế và quy hoạch xây dựng xanh một cách có hệ thống mà chỉ thực hiện trong khuôn khổ và tư tưởng thiết kế truyền thống, gây chông chéo lên một số sản phẩm và thiết bị “công nghệ xanh”.

Một số trường hợp khác lại không xem xét kỹ lưỡng các điều kiện của địa phương, không quan tâm tới hiệu quả thực tế, chỉ quan tâm đến sử dụng sản phẩm và công nghệ cao, dẫn đến kết quả tiêu thụ năng lượng trong xây dựng cao, gây lãng phí vật liệu tường. Có một số dự án, dù lựa chọn hệ thống cung cấp năng lượng có hiệu quả tiết kiệm nhất, nhưng nhìn chung vẫn không thực sự tiết kiệm năng lượng trong xây dựng. Lại có một số dự án, do không xem xét đến các nguyên tắc thiết kế tổng hợp, nên không kiểm soát được hiệu quả sử dụng của công nghệ.

Đổi mới quan niệm thiết kế xây dựng xanh,

nhất thiết phải tuân thủ nguyên tắc có tính hệ thống, tính tổng thể, nghiêm túc thực hiện tốt công tác lập kế hoạch xây dựng xanh, đồng thời, trên cơ sở đó, lập kế hoạch và phương án thiết kế xây dựng xanh. Từ việc xem xét tổng thể xây dựng xanh, kết hợp với các dự án xây dựng và đặc điểm khí hậu, địa lý của khu vực, đáp ứng chức năng sử dụng xây dựng, lựa chọn công nghệ xây dựng xanh hợp lý. Dựa trên nguyên tắc phối hợp thiết kế xây dựng xanh, quan tâm tới đội ngũ thiết kế, đội ngũ lập kế hoạch và có sự hợp tác chặt chẽ giữa các đội điều hành, trong quá trình thiết kế xây dựng, giữa các chuyên môn khác nhau cần có sự phối hợp nhịp nhàng, kịp thời giải quyết các mâu thuẫn và những vấn đề phát sinh trong quá trình thiết kế, làm sao để các sản phẩm xây dựng vừa có thể đáp ứng chức năng sử dụng, vừa tạo thành một thể thống nhất đúng với khái niệm phát triển xanh.

Điểm thứ ba: Đổi mới cơ chế quản lý xây dựng xanh

Có thể nói, xây dựng xanh ở Trung Quốc chỉ mới phát triển, chủ yếu thông qua hệ thống kí hiệu xây dựng xanh để bắt đầu thực hiện. Cùng với sự tăng tốc của thị trường xây dựng xanh, hệ thống kí hiệu trước đây đã không còn đáp ứng với nhu cầu phát triển toàn diện, càng không thể thực hiện mục tiêu và nhiệm vụ tiết kiệm năng lượng hơn nữa trong lĩnh vực xây dựng. Do đó, cần thông qua việc đổi mới hệ thống kí hiệu trong xây dựng xanh, thông qua hệ thống khuyến khích và bắt buộc, hệ thống quản lý giám sát và hệ thống đảm bảo chất lượng, để đảm bảo tiến trình thị trường hóa xây dựng xanh được thực hiện mạnh mẽ.

Trước mắt, cơ chế đánh giá kí hiệu xây dựng xanh của Trung Quốc được thực hiện thông qua Hội nghị đánh giá dựa trên ý kiến của các chuyên gia. Với giai đoạn phát triển xây dựng xanh quy mô lớn, cần phải nghiên cứu đánh giá của bên thứ ba hoặc đánh giá chứng nhận năng lực nhân viên, đổi mới và phát triển hệ thống kí

hiệu xây dựng xanh.

Thứ hai, hệ thống quản lý giám sát xây dựng xanh của Trung Quốc đến nay vẫn chưa chính thức được thành lập, chủ yếu là sử dụng cơ chế quản lý hồ sơ đối với hạng mục kí hiệu xây dựng xanh, mà cơ chế quản lý hồ sơ rất khó khăn trong việc thông qua toàn hạng mục trong quá trình xây dựng để đảm bảo chất lượng xây dựng xanh. Do đó, cần phải đổi mới cơ chế quản lý và giám sát. Để mở rộng cơ chế quản lý giám sát hiện có và đảm bảo chất lượng xây dựng xanh, các cơ quan quản lý cần quản lý giám sát chặt chẽ các dự án xây dựng. Trong thẩm tra quy hoạch đô thị, tăng cường nội dung thẩm tra đối với chỉ tiêu xây dựng xanh và tiết kiệm năng lượng trong xây dựng, căn cứ vào yêu cầu trong “Quy hoạch tiết kiệm năng lượng trong xây dựng” (trong kế hoạch 5 năm lần thứ 12), tăng cường nội dung thẩm tra đặc biệt đối với thiết kế xây dựng xanh, thiết lập cơ chế giấy phép thi công xây dựng xanh, công khai thông tin xây dựng xanh... Cần thực hiện kết hợp cơ chế bắt buộc và khuyến khích đổi mới. Đối với các dự án nhà ở giá rẻ, hạ tầng công cộng mà Nhà nước đầu tư phải thực hiện tiêu chuẩn xây dựng xanh; thông qua chính sách khuyến khích, hướng dẫn các dự án bất động sản chấp hành thực hiện tiêu chuẩn xây dựng xanh. Thông qua đổi mới tư duy và chính sách khuyến khích, tăng cường tính tích cực của các bên về phát triển xây dựng xanh, kiện toàn và hoàn thiện cơ chế tiêu chuẩn kí hiệu xây dựng xanh và cơ chế

hạn chế, nỗ lực nâng cao ý thức chấp hành tiêu chuẩn xây dựng xanh.

Điểm thứ tư: Tập trung đổi mới công nghệ ứng dụng trong xây dựng xanh

Những năm gần đây, cùng với việc không ngừng nâng cao chiến lược thực hiện giảm phát thải và tiết kiệm năng lượng, công nghệ tiết kiệm nước, đất, vật liệu và bảo vệ môi trường cũng được ứng dụng rộng rãi tại Trung Quốc. Nhưng do một số công nghệ và do sử dụng sản phẩm xây dựng xanh trong thời gian ngắn, thiếu ứng dụng thực tiễn, không phù hợp, thậm chí tuổi thọ sử dụng còn có khoảng cách đáng kể so với thiết kế xây dựng, nên việc sản phẩm và công nghệ xanh chưa được ứng dụng rộng rãi.

Đổi mới công nghệ trong xây dựng xanh là động lực chính thúc đẩy việc chuyển đổi mô hình phát triển ngành Xây dựng. Cần để ứng dụng thúc đẩy công tác nghiên cứu và phát triển, và trong quá trình ứng dụng công nghệ, sẽ phát hiện và xử lý các vấn đề bất cập nhằm hoàn thiện và cải tiến công nghệ. Trong quá trình sử dụng, không ngừng tổng kết tính phù hợp của công nghệ, không ngừng cải thiện sản phẩm và nâng cao công nghệ, làm cho công nghệ xây dựng xanh luôn đáp ứng được nhu cầu, chức năng và chất lượng xây dựng.

Kim Minh

*Nguồn: Thời báo Xây dựng Trung Quốc
bản điện tử ngày 14/5/2015*

ND: Bích Ngọc

Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng tiếp Bộ trưởng Bộ Công chính và Vận tải Lào

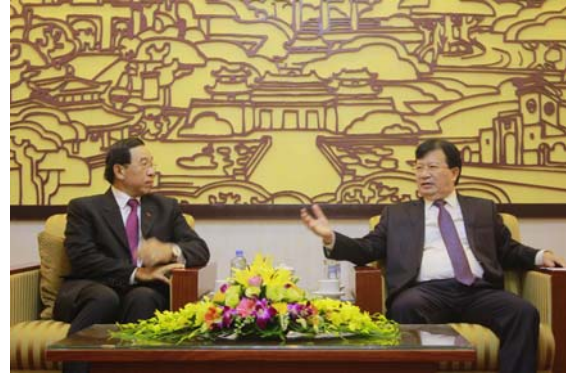
“Hiện nay, Bộ Xây dựng Việt Nam có 4 trường đại học trực thuộc là: Đại học Kiến trúc Hà Nội, Đại học Kiến trúc TP Hồ Chí Minh, Đại học Xây dựng Miền Trung, Đại học Xây dựng Miền Tây và Học viện Cán bộ quản lý xây dựng và đô thị luôn sẵn sàng hỗ trợ học bổng cho Lào về đào tạo cán bộ xây dựng, quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật...” - Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng phát biểu tại buổi làm việc với Bộ trưởng Bộ Công chính và Vận tải Lào Bounchanh SINTHAVONG vào ngày 25/8/2015 tại Hà Nội.

Dự buổi làm việc có Thứ trưởng Bộ Xây dựng Bùi Phạm Khánh, lãnh đạo các Cục, Vụ, Viện thuộc Bộ Xây dựng. Nội dung buổi làm việc bàn về hợp tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, chia sẻ kinh nghiệm trong việc lập đơn giá xây dựng...

Trao đổi với Bộ trưởng Bộ Công chính và Vận tải Lào Bounchanh SINTHAVONG, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng cho biết: Bộ Xây dựng là cơ quan của Chính phủ thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về quy hoạch xây dựng, kiến trúc, hoạt động đầu tư xây dựng, phát triển đô thị, hạ tầng kỹ thuật đô thị và khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao, nhà ở, công sở, thị trường bất động sản, vật liệu xây dựng, quản lý nhà nước các dịch vụ công trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ theo quy định của pháp luật.

Từ trước tới nay, Việt Nam và Lào có mối quan hệ hữu nghị, truyền thống lâu năm, trên nhiều lĩnh vực kinh tế, xã hội, trong đó có lĩnh vực xây dựng. Trong những năm qua, Bộ Xây dựng Việt Nam đã chú trọng hợp tác, đào tạo nguồn nhân lực cho Lào thông qua tiếp nhận cán bộ, sinh viên Lào sang đào tạo tại Việt Nam hoặc cử chuyên gia sang giúp nước bạn Lào.

Nhiều trường đại học của Việt Nam đã cung cấp học bổng, đào tạo hàng trăm lưu học sinh



Bộ trưởng Trịnh Đình Dũng và Bộ trưởng Bộ Công chính và Vận tải Lào tại buổi làm việc

người Lào. Trong đó, trường Đại học Kiến trúc Hà Nội đã, đang tiếp nhận 12 sinh viên Lào sang học các chuyên ngành kiến trúc và đô thị. Nhà trường cũng đã hoàn thành dự án cải tạo, nâng cấp, mở rộng ký túc xá sinh viên Lào để tạo điều kiện cho cán bộ, sinh viên Lào có điều kiện học tập tốt hơn. Trường Đại học Kiến trúc TP Hồ Chí Minh cũng đã tiếp nhận 1 sinh viên Lào học Cao học chuyên ngành Quản lý đô thị và công trình. Ngoài ra, trường Cao đẳng nghề Việt Xô số 1 đã ký Bản ghi nhớ với tỉnh Luông Pha Bông về hợp tác trong lĩnh vực đào tạo...

Bộ trưởng Bộ Công chính và Vận tải Lào Bounchanh SINTHAVONG chân thành cảm ơn Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng đã thu xếp thời gian, công việc để tiếp đoàn, đồng thời đề nghị Bộ Xây dựng tăng cường hơn nữa sự hợp tác với Bộ Công chính và Vận tải Lào thông qua việc tổ chức những đoàn chuyên gia trao đổi kinh nghiệm về quy hoạch, quản lý đô thị, bất động sản...

Bộ trưởng Bounchanh SINTHAVONG mong muốn Bộ Xây dựng hỗ trợ Bộ Công chính và Vận tải Lào đào tạo nguồn nhân lực trong lĩnh vực xây dựng cũng như chia sẻ kinh nghiệm lập đơn giá xây dựng, đồng thời trân trọng mời Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng sắp xếp công việc, đến thăm và làm việc với Bộ Công

chính và Vận tải Lào tại Thủ đô Viên Chăn.

Cảm ơn lời mời thăm Viên Chăn của Bộ trưởng Bounchanh SINTHAVONG, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng cho biết sẽ thu xếp thời gian thăm Lào vào dịp thích hợp.

Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng cho biết trong thời gian tới sẽ tăng cường các đoàn công tác của các Cục, Vụ, Viện trực thuộc Bộ Xây dựng sang trao đổi kinh nghiệm với Bộ Công chính và Vận tải Lào và mong đây sẽ là hoạt động thường niên của 2 Bộ.

Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng giao Vụ Hợp tác quốc tế (Bộ Xây dựng) sớm soạn thảo Biên bản ghi nhớ giữa Bộ Xây dựng và Bộ Công chính và Vận tải Lào để triển khai

ký kết, đồng thời bày tỏ tin tưởng mối quan hệ hợp tác giữa 2 Bộ sẽ bước sang giai đoạn phát triển mới.

Kết thúc buổi gặp gỡ giữa Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng và Bộ trưởng Bộ Công chính và Vận tải Lào Bounchanh SINTHAVONG, đồng thời được sự ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Bùi Phạm Khánh chủ trì buổi làm việc với Bộ trưởng Bộ Công chính và Vận tải Lào Bounchanh SINTHAVONG về chia sẻ kinh nghiệm lập đơn giá xây dựng.

Trần Đình Hà - Mai Anh

Thứ trưởng Lê Quang Hùng làm việc với Thượng nghị sỹ Nhật Bản Takeshi Maeda

Ngày 17/8/2015 tại Hà Nội, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Lê Quang Hùng đã có buổi làm việc với Thượng nghị sỹ Nhật Bản Takeshi Maeda về việc thúc đẩy hình thành các dự án theo hình thức đối tác công tư PPP và trao đổi kinh nghiệm trong xã hội hóa cơ sở hạ tầng của Nhật Bản với Việt Nam.

Ông Takeshi Maeda là nguyên Bộ trưởng Bộ Đất đai, Hạ tầng, Giao thông và Du lịch Nhật Bản (Bộ MLIT), đã nhiều lần sang thăm, làm việc tại Việt Nam.

Trong những năm qua, mối quan hệ hợp tác giữa Chính phủ 2 nước Việt Nam - Nhật Bản nói chung, giữa Bộ Xây dựng Việt Nam và Bộ MLIT Nhật Bản nói riêng phát triển mạnh mẽ trên nhiều lĩnh vực: Quản lý đầu tư xây dựng, hoạt động xây dựng, quy hoạch phát triển đô thị, phát triển hạ tầng đô thị, tăng cường năng lực, tăng cường trao đổi kinh nghiệm giữa các đoàn công tác do lãnh đạo 2 Bộ làm trưởng đoàn.

Từ năm 2013 đến nay, Bộ Xây dựng Việt Nam và Bộ MLIT Nhật Bản đã tăng cường phối hợp, tổ chức nhiều hội nghị, hội thảo trao đổi



Thứ trưởng Bộ Xây dựng Lê Quang Hùng tặng Thượng nghị sỹ Takeshi Maeda bức tranh làm kỷ niệm

kinh nghiệm phát triển đô thị sinh thái, về kỹ thuật khoan kích ống ngầm ở các đô thị, các giải pháp tiết kiệm năng lượng trong các công trình xây dựng, tòa nhà, đồng thời tổ chức nhiều đợt khảo sát thực tế.

Thứ trưởng Bộ Xây dựng Lê Quang Hùng cho biết mô hình phát triển kinh doanh theo hình thức PPP ở Việt Nam đã xuất hiện từ nhiều năm nay, tuy nhiên mới phát triển mạnh mẽ trong 3 năm gần đây và được triển khai chủ yếu



Quang cảnh buổi làm việc

ở lĩnh vực phát triển hạ tầng giao thông, xây dựng các trụ sở công quyền.

Thứ trưởng Lê Quang Hùng cũng cho biết ở Việt Nam hiện nay có một thực tế gây khó khăn cho cơ quan quản lý Nhà nước, đó là đối với những tuyến đường quốc lộ bị xuống cấp, cần phải đầu tư nâng cấp, tuy nhiên ngân sách nhà nước có hạn, không thể chi. Những tuyến đường này được giao cho các đơn vị đầu tư, sau đó những đơn vị này mở các trạm thu phí phương tiện qua lại để bồi hoàn kinh phí. Việc thu phí này đôi khi gây bức xúc cho người dân vì họ phải chịu nhiều khoản chi cho tuyến đường: Trước đó là đóng góp thuế xây dựng tuyến đường, sau lại phải đóng phí qua trạm khi các tuyến đường này được nâng cấp.

Thượng nghị sỹ Takeshi Maeda cho biết

khoảng 10 năm trước đây, đối tác công tư PPP là thuật ngữ khá lạ lẫm đối với Nhật Bản, song do việc huy động nguồn vốn phát triển cơ sở hạ tầng, đặc biệt là hạ tầng giao thông nên mô hình PPP dần phổ biến tại Nhật Bản. Thượng nghị sỹ Takeshi Maeda phấn khởi khi mô hình PPP được phát triển mạnh mẽ và trở nên phổ biến ở Việt Nam trong những năm qua.

Chia sẻ kinh nghiệm về phát triển các dự án theo mô hình PPP ở Nhật Bản, Thượng nghị sỹ Takeshi Maeda cho biết: Đối với khối doanh nghiệp tư nhân, Nhật Bản không chỉ huy động nguồn vốn mà còn huy động cả trí tuệ của họ vào thực hiện dự án vì doanh nghiệp tư nhân có các cổ đông, đây chính là thành phần quan trọng trong việc giám sát, thực hiện dự án một cách hiệu quả.

Thứ trưởng Bộ Xây dựng Lê Quang Hùng gửi lời cảm ơn chân thành tới Thượng nghị sỹ Takeshi Maeda và cho rằng khi còn giữ cương vị Bộ trưởng Bộ MLIT, ông đã luôn quan tâm thúc đẩy mối quan hệ hợp tác giữa ngành Xây dựng 2 nước, đồng thời mong muốn Nhật Bản, đặc biệt là Bộ MLIT tăng cường hơn nữa trong việc giúp đỡ Việt Nam phát triển và quản lý doanh nghiệp xây dựng theo mô hình phát triển PPP.

Trần Đình Hà

Đề án 1511 đang được triển khai hiệu quả

Ngày 21/8/2015, tại Hà Nội, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Lê Quang Hùng chủ trì cuộc họp của Ban Chỉ đạo Đề án “Tăng cường năng lực kiểm định chất lượng công trình xây dựng ở Việt Nam” (Đề án 1511).

Tại cuộc họp, Ban Chỉ đạo đánh giá Đề án 1511 hiện nay đang được triển khai một cách tích cực, đồng bộ với sự phối hợp hiệu quả của Bộ Xây dựng với các Bộ, ngành có liên quan trong việc tổ chức xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về điều chỉnh các hoạt động thí nghiệm, kiểm định, giám định, quan trắc trong

lĩnh vực xây dựng. Một số nội dung nghiên cứu của Đề án đã được đưa vào các văn bản quy phạm pháp luật và được Quốc hội, Chính phủ cũng như được Bộ Xây dựng ban hành theo thẩm quyền.

Đến tháng 6/2015, Đề án 1511 đã tổ chức đào tạo, nâng cao trình độ về nghiệp vụ thí nghiệm, kiểm định và quan trắc công trình xây dựng cho 2.800 lượt cán bộ của gần 20 tỉnh, thành phố. Bên cạnh đó, việc đầu tư trang thiết bị kiểm định bước đầu đã tạo điều kiện nâng cao năng lực cho Trung tâm kiểm định ở các địa

phương, giúp Sở Xây dựng các tỉnh kiểm soát tốt hơn chất lượng công trình xây dựng...

Đề án 1511 đã giúp hoàn thiện hệ thống các tiêu chuẩn, quy trình kỹ thuật, rà soát, nghiên cứu xây dựng chương trình đào tạo và hoàn thiện các bộ tài liệu giảng dạy về công tác thí nghiệm, kiểm định, quan trắc trong lĩnh vực xây dựng, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ trong nước và nước ngoài.

Nhằm tạo cơ hội để cập nhật thông tin và trao đổi kinh nghiệm giữa các đơn vị, năm 2013 - 2014 Bộ Xây dựng đã tổ chức các hội thảo về công nghệ kiểm định và quan trắc công trình xây dựng, hội thảo quốc tế xoay quanh các vấn đề về kinh nghiệm trong quan trắc, kiểm định xây dựng, nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa sự cố, tăng cường công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh...

Hiện tại, kế hoạch đào tạo năm 2015 đã được phê duyệt và sẽ triển khai vào nửa cuối năm 2015, cụ thể: Đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm định chất lượng công trình xây dựng cho 160 học viên, đào tạo quan trắc công trình xây dựng cho 180 học viên, đào tạo thí nghiệm cho 800 học viên, đào tạo quản lý phòng thí nghiệm cho 160 học viên, đào tạo phổ biến văn bản quy phạm pháp luật về xây dựng cho 2.200 học viên.

Năm 2013, ngân sách Trung ương đã đầu tư 15 tỷ đồng cho 1 đơn vị là Trung tâm Công nghệ quản lý chất lượng công trình xây dựng Việt Nam (nay là Trung tâm phát triển Công nghệ quản lý và Kiểm định xây dựng - Trung tâm CDMI) - Bộ Xây dựng. Trung tâm CDMI đã tổ chức đấu thầu, mua sắm trang thiết bị theo đúng kế hoạch đã được duyệt, tuân thủ các quy định hiện hành và phù hợp với danh mục thiết bị do Bộ Xây dựng quy định.

Năm 2014, Ngân sách Trung ương đầu tư 55 tỷ đồng cho 10 đơn vị là: Trung tâm CDMI và các Trung tâm Kiểm định Bắc Ninh, Bình Thuận, Cần Thơ, Gia Lai, Hà Tĩnh, Hải Dương, Kiên Giang, Lai Châu, Quảng Ninh. Tính đến ngày



Thứ trưởng Lê Quang Hùng chủ trì cuộc họp Ban chỉ đạo Đề án 1511

30/6/2015, 10/10 đơn vị đã hoàn thành mua sắm trang thiết bị thí nghiệm theo danh mục thiết bị đã được Ban điều hành Đề án phê duyệt. Công tác đấu thầu, thanh quyết toán được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Năm 2015, ngân sách Trung ương tiếp tục đầu tư 59,18 tỷ đồng cho 13 đơn vị: Trung tâm CDMI và các Trung tâm Kiểm định Bắc Giang, Bến Tre, Đồng Nai, Hà Nam, Lạng Sơn, Lào Cai, Long An, Nam Định, Nghệ An, Thái Bình, Thái Nguyên, Vĩnh Phúc. Cùng với đó, Bộ Xây dựng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính đã có các văn bản gửi các địa phương về thẩm định nguồn vốn và vốn ngân sách Trung ương đối với Đề án 1511 năm 2015.

Các đơn vị thuộc Bộ Giao thông vận tải, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn và các địa phương còn lại chưa được cấp kinh phí từ ngân sách Trung ương. Tuy nhiên, đến nay một số địa phương đã chủ động bố trí ngân sách địa phương và vốn từ các nguồn khác để triển khai các dự án thành phần, như: An Giang, Bến Tre, Hà Nam, Nam Định, Lào Cai... trong đó tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng, phòng làm việc, phòng thí nghiệm và mua sắm một số trang thiết bị thí nghiệm cần thiết.

Phát biểu tại buổi làm việc, Thứ trưởng Bộ Xây dựng Lê Quang Hùng đánh giá: Đến thời điểm này, Đề án 1511 đã từng bước đi vào thực tế cuộc sống, vấn đề quan trắc trong xây dựng được quan tâm và dần trở nên phổ biến; công

tác giám định, kiểm định lại cũng được chú trọng và triển khai thường xuyên, hiệu quả.

Thứ trưởng Bộ Xây dựng Lê Quang Hùng yêu cầu Ban chỉ đạo Đề án 1511 gửi thông báo đề nghị UBND các tỉnh khẩn trương phê duyệt các dự án thành phần thuộc Đề án 1511, đồng

thời chủ động xây dựng kế hoạch đi kiểm tra tính hiệu quả thực tế ở các đơn vị đã được đầu tư theo Đề án.

Trần Đình Hà - Mai Anh

Xây dựng cơ chế thị trường hóa trong phân loại, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt tại Trung Quốc

Cùng với sự phát triển không ngừng của tiến trình đô thị hóa, vấn đề thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải hiện đã được chú trọng từ đô thị đến các vùng nông thôn. Rác thải sinh hoạt từ khâu phân loại tới thu gom vận chuyển và cuối cùng là khâu xử lý đều cần xây dựng cơ chế hợp tác giữa Chính phủ với xã hội và các doanh nghiệp, hình thành nên cơ chế vận hành thị trường thống nhất, cạnh tranh có trật tự và vận chuyển có hiệu quả cao.

1. Đổi mới mô hình phân loại rác thải

Từ năm 2000, Bộ Nhà ở và Xây dựng đô thị - nông thôn Trung Quốc đã lựa chọn 8 thành phố lớn là Bắc Kinh, Thượng Hải, Nam Kinh, Hàng Châu, Quế Lâm, Quảng Châu, Thẩm Quyển và Hạ Môn là thành phố thí điểm về phân loại rác thải. Trong nhiều năm qua, các địa phương đã có những thử nghiệm hữu ích về thu gom, phân loại rác thải. Ví dụ như Thượng Hải, bắt đầu từ cuối thế kỷ XX, đã bắt đầu thử nghiệm độc lập tái chế pin cũ. Năm 2000, Thượng Hải lần đầu tiên xác định rõ các tiêu chuẩn phân loại rác thải. Năm 2007, tiêu chuẩn phân loại rác thải được cụ thể hóa thành sự phân loại đối với “rác thải có hại, thủy tinh, vật có thể tái chế, rác thải khác”. Sau Triển lãm Quốc tế vào năm 2010, Thượng Hải bắt đầu công tác phân loại rác thải khô, ướt. Năm 2013, rác thải sinh hoạt được phân thành 4 loại: rác thải có thể tái chế, rác thải có hại, rác thải ướt và rác thải khô. Để kích lệ người dân làm tốt việc phân loại rác thải, thành phố Thượng Hải

đã xây dựng thí điểm cơ chế khích lệ mang tên “tài khoản xanh” tại một số cộng đồng dân cư. Bỏ qua công đoạn của người nhặt rác, nhân viên dọn vệ sinh hay công nhân vệ sinh môi trường, doanh nghiệp tái chế rác thải sẽ trực tiếp liên hệ với cư dân thông qua phương thức “tự đóng góp, tự tích điểm”. Điểm tích được sẽ dùng các hình thức khích lệ khác nhau để hoán đổi như đổi lấy hiện vật, đổi lấy dịch vụ và quyền lợi, đổi lấy vinh dự, bốc thưởng..., từ đó, chất lượng phân loại rác thải được nâng cao rõ rệt. Tính đến tháng 12/2014, hệ thống phân loại rác thải của Thượng Hải đã phổ cập tới 2,6 triệu hộ dân, mỗi ngày lượng rác thải sinh hoạt đưa đi thiêu đốt và chôn lấp đã giảm hơn 1.600 tấn so với năm 2010, tương đương với việc cắt bớt đi một nhà máy thiêu đốt rác thải cỡ lớn.

Đối với các hình thức chứa rác cũng đã có nhiều thăm dò thử nghiệm. Thử nghiệm sử dụng thùng chứa rác tái chế kín. Loại thùng này được đặt khá nhiều ven theo các tuyến phố, tiện lợi cho khâu quản lý thống nhất về sau, đồng thời giảm bớt điểm ô nhiễm, tuy nhiên chúng lại có khuyết điểm là chi phí nhân công rất cao.

Năm 2014, Quảng Châu cũng thực thi mô hình phân loại rác thải: Chuyển các thùng chứa rác tại các tiểu khu đi, mỗi ngày hai buổi sáng, tối, cư dân sẽ bỏ rác vào các xe rác theo thời gian quy định. Thông thường căn cứ theo tình hình của từng tiểu khu dân cư khác nhau để bố trí khoảng thời gian từ 2 - 3 tiếng đồng hồ, sẽ có

nhân viên quản lý chuyên ngành đôn đốc phối hợp với cư dân trong việc vứt rác thải. Một số tiểu khu tại Hàng Châu cũng đã triển khai thí điểm mô hình này. Mô hình này đòi hỏi mức độ phối hợp của cư dân rất cao, đồng thời đặt ra yêu cầu khá cao đối với năng lực quản lý xã hội. Hiện tại, các thành phố lớn đặc biệt, các thành phố lớn và trung bình tại Trung Quốc đa phần sử dụng các mô hình như vận chuyển trực tiếp rác thải đầu nguồn, mô hình thu gom vận chuyển bằng xe lưu động, mô hình vận chuyển bằng thùng chứa và xe thu gom rác thải... Các thành phố vừa và nhỏ thường sử dụng mô hình nhà chứa thu gom rác thải, mô hình thu gom bằng thùng chứa ngầm...

2. Nâng cao kỹ thuật vận chuyển rác thải

Hệ thống vận chuyển rác thải là một hệ thống đi từ phân tán đến tập trung. Trong hệ thống thu gom, vận chuyển rác thải, vận chuyển rác thải là một khâu quan trọng.

- Thứ nhất, “đầu vào” ngày càng trở nên quan trọng

Từ dây chuyền công nghiệp toàn quá trình xử lý rác thải cho thấy, thu gom vận chuyển rác thải là khâu đầu trong xử lý rác thải, cũng là khâu quan trọng tác động tới các khâu xử lý về sau. Có thể coi hệ thống thu gom, vận chuyển rác thải là “đầu vào” trong dây chuyền công nghiệp xử lý rác thải, trở thành phương hướng phát triển của các doanh nghiệp xử lý rác thải trong tương lai. Hiện nay, sự đầu tư cho hệ thống thu gom, vận chuyển rác thải tại Trung Quốc lạc hậu và chậm trễ hơn nhiều so với sự đầu tư cho hệ thống xử lý. Trong đa số các

doanh nghiệp, nguồn vốn lớn được chú trọng tới việc thiêu đốt và chôn lấp rác thải. Tuy nhiên, không thể phủ nhận, hệ thống thu gom, vận chuyển rác thải là một khâu hết sức quan trọng và ngày càng nhận được sự coi trọng và đầu tư từ Chính phủ và các doanh nghiệp.

- Thứ nghiệm mô hình PPP trong thu gom, vận chuyển rác thải

Mô hình PPP hay còn gọi là mô hình hợp tác công tư, chỉ việc Chính phủ chuyển giao một phần trách nhiệm cho chủ thể xã hội (doanh nghiệp) theo phương thức nhượng quyền kinh doanh, Chính phủ và chủ thể xã hội xây dựng nên một hệ thống chung “cùng hưởng lợi, cùng gánh vác rủi ro, hợp tác toàn diện”. Gánh nặng về tài chính của Chính phủ được giảm thiểu, rủi ro đầu tư của chủ thể xã hội giảm. Mô hình PPP khá phù hợp với việc xử lý rác thải mang tính công ích hoặc một khâu nào đó trong xử lý rác thải, ví dụ như các khâu xử lý rác thải có hại, xử lý đốt rác thải sinh hoạt, xử lý chôn lấp. Hiện tại, cạnh tranh BOT trong thiêu đốt rác thải rất mạnh mẽ, một số doanh nghiệp bảo vệ môi trường thực hiện thiêu đốt rác thải cũng đang mở rộng phát triển khâu thu gom, vận chuyển rác thải.

Trương Ích

*Viện trưởng Viện Thiết kế công trình
vệ sinh môi trường Thượng Hải*

Nguồn: TC Xây dựng đô thị và nông thôn

Trung Quốc, số 4/2015

ND: Kim Nhạn

Kinh nghiệm phát triển cơ chế ủy quyền trên cơ sở hình thức đối tác công - tư trong lĩnh vực kết cấu hạ tầng công cộng của nước cộng hòa Tatarstan

Vấn đề hiện đại hóa hệ thống kết cấu hạ tầng công cộng (KCHTCC) hiện nay đang đặc biệt bức xúc trên cấp vùng và trước các cơ quan

chính quyền địa phương do họ phải chịu trách nhiệm về việc bảo đảm các nguồn lực công cộng có chất lượng cung cấp cho nhân dân.

Các vấn đề tích tụ trong ngành công trình công cộng đòi hỏi được giải quyết kịp thời.

Hiện nay, sự hao mòn các công trình KCHTCC tại Cộng hòa Tatarstan đã vượt quá ngưỡng 50%, gần 1/4 quỹ công trình cơ bản quá thời hạn sử dụng. Trong 10 năm số lượng các sự cố tăng 3 lần và đạt mức 70 - 100 sự cố/100 km đường ống cấp nước và cấp nhiệt.

Mức hao mòn cao đối với quỹ công trình cơ bản xét về trang thiết bị sản xuất chính, trình độ khai thác còn thấp, sự hoạt động kém hiệu quả của các đơn vị thuộc ngành công trình công cộng, là nguyên nhân gây nên tình trạng mất cân đối của ngành.

Việc hiện đại hóa các công trình KCHTCC kéo theo việc cải tạo các công trình sản xuất chính hiện có, xây dựng các công trình mới hoàn thiện hơn để thay thế.

Nhiệm vụ chủ yếu của việc hiện đại hóa là:

- Hoàn thiện hoạt động của hệ thống KCHTCC;

- Huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách đầu tư vào các dự án hiện đại hóa các công trình KCHTCC;

- Đổi mới các quỹ sản xuất cơ bản của hệ thống hạ tầng kỹ thuật;

- Giảm thất thoát các nguồn lực công cộng và tương ứng là hợp lý hóa các chi phí của các đơn vị, tổ chức;

Hiện đại hóa công trình KCHTCC cần phải dựa trên các nguyên tắc nền tảng sau:

- Sự tham gia của chính quyền hành pháp và chính quyền địa phương vào việc cung cấp kinh phí cho các dự án hiện đại hóa công trình KCHTCC;

- Phát triển các hình thức thực hiện đầu tư theo hình thức đối tác Công - Tư nhằm huy động vốn đầu tư cho các dự án hiện đại hóa.

Phát triển hình thức đối tác Công - Tư là một trong các hướng ưu tiên có thể ảnh hưởng tích cực đến việc hiện đại hóa KCHTCC.

Những cơ chế thực hiện hình thức đối tác Công - Tư được áp dụng tương đối phổ biến tại

Tatarstan như sau:

- Mô hình thuê bất động sản dưới hình thức ký hợp đồng thuê bất động sản hoặc giấy phép. Đặc điểm của các mối quan hệ thuê bất động sản giữa chính quyền địa phương và các pháp nhân là theo các điều kiện xác định của hợp đồng diễn ra việc chuyển giao tài sản của nhà nước hoặc địa phương cho đối tác tư nhân sử dụng có thời hạn và với mức tiền thuê nhất định. Trong đó đối với phần lớn các trường hợp các hợp đồng thuê bất động sản được ký kết cho giai đoạn ngắn hạn. Thông thường, kinh phí mà chính quyền địa phương thu được từ việc thanh toán tiền thuê bất động sản không được sử dụng cho việc đổi mới KCHTCC.

- Ủy quyền (hay hợp đồng ủy quyền) là một hình thức đặc biệt của mối quan hệ giữa nhà nước và đối tác tư nhân. Trong những năm vừa qua hình thức nêu trên ngày càng được áp dụng phổ biến trong khuôn khổ hoạt động điều chỉnh dài hạn mức giá cung cấp dịch vụ công cộng. Đặc điểm chính của hợp đồng ủy quyền là sau khi hợp đồng kết thúc hiệu lực, tài sản sẽ được hoàn trả cho chủ sở hữu (các địa phương) còn các công trình được xây dựng trong thời gian hiệu lực của hợp đồng sẽ được chuyển giao cho đối tác tư nhân làm sở hữu riêng. Để được quyền sử dụng tài sản của nhà nước hoặc địa phương, bên được ủy quyền có thể phải trả tiền hoặc cũng có thể không tùy thuộc và điều kiện ký kết hợp đồng ủy quyền. Quyền sở hữu đối với sản phẩm hình thành từ việc ủy quyền sẽ thuộc về đối tượng được ủy quyền.

Đối với Tatarstan nói riêng và Liên bang Nga nói chung, ủy quyền là cách tiếp cận mới về chất đối với sự phát triển của ngành KCHTCC và trong tương lai sẽ gắn với việc giải quyết hàng loạt các vấn đề về tài chính và kỹ thuật. Việc nâng cao hiệu quả hoạt động của lĩnh vực công trình công cộng có thể đạt được thông qua áp dụng một hình thức mới về các quan hệ kinh tế trong ngành. Rõ ràng là việc áp dụng nêu trên sẽ gặp phải những trở lực lớn từ

phía những đối tượng đã quen với việc sử dụng kinh phí ngân sách một cách thiếu kiểm soát và không hiệu quả. Ủy quyền vừa là thách thức vừa là sự cần thiết liên tục nắm bắt các công nghệ quản lý mới, thành lập các tổ chức tài chính hoạt động nghiêm túc và điều quan trọng

hơn cả đó là nghĩa vụ của bên được ủy quyền thực hiện các trách nhiệm tài chính đối với sản phẩm cuối cùng không chỉ đến khi hoàn thành việc hiện đại hoá và cải tạo mà cho cả một thời gian dài sau đó là 10, 20 hoặc 30 năm.

Sự khác biệt giữa hợp đồng thuê bất động sản và hợp đồng ủy quyền

Các chỉ tiêu	Hợp đồng thuê bất động sản	Hợp đồng ủy quyền
Thời hạn	Từ 01 tháng trở lên	Từ 03 năm trở lên
Huy động vốn đầu tư	Không huy động	Là một điều kiện bắt buộc khi ký hợp đồng ủy quyền
Đánh giá các hậu quả đối với giá	Không đánh giá	Được quy định trong hợp đồng
Hiện đại hóa và cải tạo hạ tầng kỹ thuật	Được thực hiện một phần nếu được ghi trong hợp đồng	Là điều kiện bắt buộc khi ký hợp đồng ủy quyền
Trách nhiệm đối với kết cấu hạ tầng công cộng	Không có trách nhiệm	Được bảo đảm trong thời gian dài (trong thời hạn bảo đảm)
Nghĩa vụ thanh toán đối với việc sử dụng tài sản	Là một giá trị cố định nhưng có thể thay đổi nếu vốn cơ bản được đánh giá lại	Có thể không phải thực hiện trong điều kiện thực hiện một số điều kiện nhất định
Kiểm kê tài sản	Bên thuê thực hiện thông qua các tính toán cân đối	Bên được ủy quyền thực hiện đối với từng tính toán cân đối riêng biệt
Chính sách giá	Không được điều chỉnh hợp đồng	Có thể xác định trong hợp đồng ủy quyền

Trước năm 2013, đối với ngành công trình KCHTCC loại hợp đồng cho thuê bất động sản được áp dụng phổ biến hơn loại hợp đồng ủy quyền. Nguyên nhân là do việc ủy quyền đối với các tổ hợp tài sản lớn không có khả năng thực hiện được còn việc ký hợp đồng đối với từng công trình riêng biệt được xem là không hợp lý do dẫn đến sự phá vỡ tính toàn vẹn của hệ thống KCHTCC và gây khó khăn cho việc điều tiết giá. Tuy nhiên, năm 2013 - 2014 luật của Liên bang đã điều chỉnh các nội dung nêu trên.

Cơ chế ủy quyền là một công cụ phức tạp gồm nhiều yếu tố được hướng vào việc giải quyết các vấn đề hiện nay liên quan đến việc đưa các công trình KCHTCC hiện có trở về mức thông thường đồng thời giải quyết các vấn đề của tương

lai hướng đến việc giải quyết các vấn đề về sinh thái, áp dụng các công nghệ hoàn thiện hơn nhằm giảm giá xây dựng và khai thác công trình thông qua việc áp dụng công nghệ mới.

Việc phát triển thị trường ủy quyền đòi hỏi hoàn thiện thể chế trong mô hình hiện có về các mối quan hệ kinh tế và là một bộ phận cấu thành quan trọng của chương trình hiện đại hoá nền kinh tế Tatarstan.

Một vai trò của việc triển khai mô hình hợp đồng ủy quyền trong ngành KCHTCC là nâng cao sức thu hút đầu tư của ngành nhờ khả năng không phải thanh toán ủy quyền trong hai trường hợp sau đây:

1. Nếu bên được ủy quyền cung cấp các dịch vụ theo giá được quản lý;

2. Nếu các điều kiện của hợp đồng ủy quyền để cập việc bên ủy quyền chấp nhận thanh toán một phần chi phí cho việc tạo ra và (hoặc) cải tạo, sử dụng (khai thác) công trình của hợp đồng ủy quyền;

Việc áp dụng hợp đồng ủy quyền ảnh hưởng trực tiếp đến việc điều chỉnh sự hình thành giá các dịch vụ công cộng, đặc biệt trong điều kiện áp dụng việc điều chỉnh giá dài hạn trong lĩnh vực KCHTCC (phương pháp đầu tư vốn dài hạn).

Sau đây chúng ta sẽ xem xét các nhà đầu tư tiềm năng sẽ được hưởng những lợi ích gì từ hợp đồng ủy quyền:

- Hợp đồng duy trì nghiêm túc các chỉ tiêu điều chỉnh giá cho toàn bộ thời gian thực hiện hợp đồng, giúp nhà đầu tư tiềm năng dự tính rủi ro có thể nảy sinh từ các kế hoạch giá cụ thể, kể cả việc lựa chọn cơ chế hợp lý hóa các chi phí mà tổ chức còn chưa kiểm soát được;

- Số tiền tiết kiệm được nhờ áp dụng các biện pháp về cải tạo và hiện đại hóa quỹ sản xuất cơ bản về mặt pháp luật có thể được để lại cho tổ chức sử dụng;

- Không nảy sinh các chi phí bổ sung như thuê bất động sản do sử dụng tài sản của nhà nước hoặc của địa phương.

Hiện nay, các luật của Liên bang Nga như Luật Cấp nhiệt, Luật Cấp nước và thoát nước đã quy định thời hạn cụ thể cho việc chuyển sang việc điều chỉnh giá dài hạn là từ ngày 01/01/2016, do vậy đây sẽ là đòn bẩy tương ứng cho việc bắt đầu áp dụng hình thức hợp đồng ủy quyền trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ công cộng.

Phần dưới đây sẽ tiến hành phân tích cụ thể ảnh hưởng của các hình thức đối tác Công - Tư lên sự hình thành giá trong lĩnh vực cấp nhiệt và cấp nước.

Việc nghiên cứu sự thay đổi giá cấp nhiệt tính đến ngày 01/7/2014 của các tổ chức có áp dụng cơ chế đối tác Công - Tư tại Cộng hòa Tatarstan có thể nhận thấy rằng việc áp dụng hình thức hợp đồng ủy quyền đã ảnh hưởng tích

cực lên giá thành của các nguồn lực cuối cùng.

Các tổ chức tại tỉnh Drozhzhanov thuộc Tatarstan đã áp dụng hình thức hợp đồng ủy quyền từ năm 2009 còn các tổ chức tại các tỉnh còn lại ở nước Cộng hòa này thì áp dụng hình thức hợp đồng ngắn hạn thuê bất động sản ký cho thời hạn 11 tháng.

Từ kết quả nghiên cứu cho thấy giá mỗi đơn vị nhiệt được cung cấp bởi các đơn vị ký hợp đồng ủy quyền với chính quyền địa phương, đều giảm. Ví dụ, tại tỉnh Drozhzhanov thuộc Tatarstan giá nhiệt do Ủy ban nhà nước về giá của Tatarstan quy định tính đến ngày 01/7/2014 thấp hơn mức giá trung bình ở nước Cộng hòa này là 6,7%. Mức chênh lệch so với mức giá nhiệt cao nhất được áp dụng tại tỉnh Zelenodonsk là 39,7%.

Trong đó, kết quả tài chính của các tổ chức đó theo kết quả tổng kết cho năm 2012 đạt 1,8 triệu rúp, còn kết quả tính cho 9 tháng năm 2013 là gần 1,1 triệu rúp. Như vậy, có thể kết luận rằng việc áp dụng hợp đồng ủy quyền cho phép các tổ chức đó ổn định các kết quả kinh tế - tài chính thu được từ các hoạt động của họ.

Ngoài ra, cũng cần lưu ý rằng thông thường hợp đồng ủy quyền được ký cho thời gian dài hạn, sự tăng giá sẽ chỉ diễn ra do sự tăng giá năng lượng và việc điều chỉnh tiền lương để đạt đến mức thỏa thuận của ngành và bằng sự đánh chỉ số trong điều kiện có tính đến sự phát triển kinh tế - xã hội của Liên bang Nga cho năm tiếp theo.

Tương tự như vậy, chúng ta sẽ tiến hành đánh giá giá thành dịch vụ cấp nước do các tổ chức của Tatarstan thực hiện trong điều kiện các tổ chức đó áp dụng công nghệ khai thác nước ngầm và cơ chế đối tác Công - Tư.

Việc nghiên cứu sự thay đổi giá cấp nước tính đến ngày 01/7/2014 của các tổ chức có áp dụng cơ chế đối tác Công - Tư tại Cộng hòa Tatarstan có thể nhận thấy sự hợp lý của việc áp dụng hình thức hợp đồng ủy quyền đối với giá nhiệt.

Tại một tổ chức của tỉnh Bugumin, hợp đồng ủy quyền đã được áp dụng từ năm 2009 với thời hạn là 5 năm. Hợp đồng ủy quyền xác định rõ thời hạn thực hiện mà không thể bị thay đổi đồng thời cũng quy định rõ nghĩa vụ và quyền hạn của bên ủy quyền cũng như bên nhận ủy quyền.

Giá nước tại tỉnh Bugumin do Ủy ban nhà nước về giá của Tatarstan quy định tính đến ngày 01/7/2014 thấp hơn mức giá trung bình ở nước Cộng hòa này là 8,6%.

Việc khuyến khích áp dụng hình thức hợp đồng ủy quyền có thể được thực hiện thông qua các biện pháp sau:

- Đơn giản hoá quy trình kiểm kê và đăng ký tài sản;
- Quy định trong hợp đồng các chỉ tiêu về điều chỉnh giá;

- Tăng cường bảo vệ bên cho vay tín dụng cung cấp kinh phí cho việc xây dựng và cải tạo các công trình thuộc hợp đồng ủy quyền;

- Chuyển đổi các hợp đồng cho thuê bất động sản thành hợp đồng ủy quyền.

Trên cơ sở các nghiên cứu nêu trên có thể kết luận rằng hợp đồng ủy quyền là một trong số các cơ chế hiệu quả nhất của hình thức đối tác Công - Tư xét từ quan điểm huy động vốn đầu tư tư nhân vào các dự án phát triển KCHT của nhà nước.

Khabibullina L.V.

Nguồn: Bản tin của Trường đại học Kiến trúc và xây dựng Kazan, số 1/2014

ND: Huỳnh Phước

Giang Tây thiết lập cơ chế thúc đẩy có hiệu quả lâu dài về xây dựng xanh

Sở Nhà ở, xây dựng đô thị - nông thôn tỉnh Giang Tây cẩn thận nắm bắt cơ hội chiến lược quan trọng của công tác phát triển nhất thể hóa đô thị nông thôn và đô thị hóa kiểu mới, nỗ lực phát huy tác dụng của hệ thống xây dựng đô thị nông thôn và nhà ở của các cấp trên toàn tỉnh, phối hợp mật thiết với các cơ quan liên quan, thiết lập cơ chế nhịp nhàng, hình thành cơ chế thúc đẩy có hiệu quả lâu dài thông suốt và cùng quản lý công tác phát triển xây dựng xanh.

Giang Tây duy trì thúc đẩy xây dựng đô thị hóa xanh: xây dựng khái niệm xanh hóa, quy hoạch khoa học, quản lý chi tiết và xây dựng những phong cách riêng nổi bật; tăng cường thiết kế đô thị, nâng cao chất lượng xây dựng; tôn trọng kết cấu và cách thức tự nhiên, dựa trên bối cảnh cảnh quan hiện có để đưa những nguyên tố sinh thái như sông hồ, rừng núi... cùng hòa hợp vào với kiến trúc đô thị để trở thành một thể thống nhất. Tỉnh Giang Tây còn thông qua công tác nỗ lực thực thi quy hoạch hệ thống đô thị thuộc khu vực tỉnh, tăng cường

hoàn thành thay đổi và thực hiện quy hoạch những khu vực quan trọng.

Giang Tây không ngừng tăng cường cải tạo xây dựng tiết kiệm năng lượng, nỗ lực phát triển xây dựng xanh và sử dụng nguyên vật liệu xanh, mở rộng không gian xanh, tích cực xây dựng đô thị xanh và khu lâm viên trong đô thị. Tỉnh Giang Tây đã khởi động công tác thực hiện “Kế hoạch 5 năm lần thứ 13 về xây dựng xanh và tiết kiệm năng lượng trong xây dựng của tỉnh Giang Tây”, lấy công tác phát triển xây dựng xanh đưa vào trong nội dung kiểm tra chuyên mục phòng tránh khí hậu đặc biệt và kiểm tra công tác giảm phát thải và tiết kiệm năng lượng trên toàn tỉnh. Hội đồng Sở Nhà ở, xây dựng đô thị - nông thôn của tỉnh đã đưa ra thông báo về công tác thúc đẩy hành động xây dựng xanh trong quá trình xây dựng những công trình kiến trúc quy mô lớn và những công trình mang tính công ích do Chính phủ đầu tư. Chính phủ cần nêu rõ mục tiêu đầu tư vào các dự án công cộng, những công trình công cộng

quy mô lớn với diện tích trên 20.000 m², khu vực dân cư nhỏ có diện tích trên 200.000 m², nhà ở xã hội ở đô thị; đồng thời yêu cầu các địa phương nghiêm túc chấp hành các tiêu chuẩn xây dựng xanh, tăng cường các biện pháp quản lý giám sát, đảm bảo công tác chấp hành được thực hiện tới nơi tới chốn.

Sở Nhà ở, xây dựng đô thị - nông thôn tỉnh Giang Tây đã tổ chức sửa đổi và chỉnh lý “Tiêu chuẩn đánh giá xây dựng xanh của tỉnh Giang Tây”, “Tiêu chuẩn thiết kế xây dựng xanh của tỉnh Giang Tây”... để tăng cường thích ứng với nhu cầu thúc đẩy xây dựng xanh của tỉnh. Thông qua hoạt động phát văn bản đề nghị, triển khai tuần tuyên truyền tiết kiệm năng lượng và ngày tuyên truyền về cacbon thấp, thúc đẩy sử dụng khái niệm xây dựng xanh, tuyên truyền kiến thức cơ bản về tiết kiệm năng lượng trong xây dựng.

Về định hướng xây dựng xanh và xây dựng tiết kiệm năng lượng, tỉnh Giang Tây thông qua việc nắm bắt quy hoạch, thực hiện công tác kiểm tra nghiệm thu, đánh giá năng lực xây dựng... để nâng cao trình độ của nhân viên trong công tác xây dựng xanh và xây dựng tiết kiệm năng lượng trên toàn tỉnh. Cho tới nay đã nỗ lực thiết lập và hoàn thiện hệ thống đánh giá, dịch vụ tư vấn và hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật về xây dựng xanh, cơ bản hình thành cơ chế mở

rộng phát triển xây dựng xanh. Toàn tỉnh hiện có hơn 100 dự án thực hiện tiêu chí xây dựng xanh; diện tích xây dựng xanh chiếm trên 20% diện tích xây dựng mới...

Cuối năm 2014, Trung Quốc đã chính thức phê duyệt “Phương án thực thi xây dựng khu vực thí điểm đối với công tác tiến hành văn minh sinh thái tỉnh Giang Tây”. Được coi là một trong những tỉnh đầu tiên thực hiện công tác xây dựng xanh và văn minh sinh thái, Giang Tây đã hình thành khu vực kiểu mẫu cấp quốc gia. Tính đến cuối tháng 6, tỉnh Giang Tây đã có 21 dự án xây dựng xanh, với tổng diện tích lên tới 2.502.000 m².

Tới năm 2020, dự kiến tỉ lệ đô thị hóa của tỉnh Giang Tây đạt 60%, điều này có nghĩa là có khoảng hơn 27 triệu dân sẽ sinh sống và làm việc ở đô thị. Đô thị hóa xanh cần phải đưa ra khái niệm xanh, phát triển xây dựng xanh, mở rộng không gian xanh, làm cho môi trường vệ sinh, môi trường đường sá và môi trường nơi cư trú được cải thiện. Điều này chắc chắn sẽ thúc đẩy quá trình phát triển xây dựng xanh của tỉnh Giang Tây.

Theo báo xây dựng Trung Quốc

<http://www.chinajsb.cn/>

ND: Khánh Ly

Quy hoạch thiết kế phòng chống thiên tai đô thị trong bối cảnh biến đổi khí hậu

Trong tình hình khí hậu toàn cầu đang nóng lên, các hiện tượng thời tiết cực đoan đang khiến hàng loạt tai họa tại đô thị xảy ra liên tiếp, sinh mạng, tài sản của người dân cũng như nền kinh tế xã hội gặp phải nhiều tổn thất nặng nề, đe dọa nghiêm trọng tới sự an toàn tại đô thị, ảnh hưởng tới sự sinh tồn và phát triển của con người. Đô thị là nơi đầu tiên cần giảm phát thải cacbon. Để ứng phó hiệu quả với sự biến đổi khí hậu toàn cầu, mô hình quản lý đô thị an

toàn, cacbon thấp trên cơ sở môi trường sinh thái tốt đẹp cần được coi trọng.

I. Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đối với công tác an toàn phòng chống thiên tai tại đô thị

Thế kỷ XXI được coi là “thế kỷ đô thị”. Có chuyên gia đã dự tính rằng, tới năm 2025, 2/3 tổng dân số thế giới sẽ trở thành dân số đô thị. Đô thị là trung tâm của các hoạt động kinh tế, chính trị và xã hội của quốc gia và các khu vực,

đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế xã hội. Khí hậu toàn cầu nóng lên đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến an toàn công cộng tại đô thị.

Tổng hợp các nghiên cứu có liên quan cho thấy, khí hậu nóng lên gây ảnh hưởng bất lợi đối với an toàn phòng chống thiên tai đô thị được thể hiện ở các phương diện sau:

An ninh lương thực tại đô thị bị đe dọa.

An toàn trong cư trú tại đô thị bị đe dọa.

An toàn nước sạch bị đe dọa.

An toàn vệ sinh bị đe dọa.

Liên tiếp gây ra các sự vụ liên quan tới thời tiết và khí hậu cực đoan với cường độ gia tăng.

An toàn kinh tế đô thị bị đe dọa.

An toàn môi trường sinh thái đô thị bị đe dọa.

Làm gia tăng hiệu ứng đảo nhiệt tại đô thị.

II. Làm tốt quy hoạch an toàn phòng chống thiên tai đô thị, tích cực ứng phó với khí hậu nóng lên

Những năm gần đây, khí hậu toàn cầu nóng lên đã làm phát sinh liên tiếp các tai họa tại đô thị, gây tổn thất nghiêm trọng đối với sinh mệnh và tài sản của người dân đô thị cũng như sự phát triển của nền kinh tế xã hội. Cùng với sự gia tăng trong mức độ đe dọa của biến đổi khí hậu đối với an toàn phòng chống thiên tai tại đô thị, làm sao để thông qua các quy hoạch khoa học có thể làm giảm xuống mức thấp nhất các rủi ro do khí hậu nóng lên gây ra, đảm bảo an toàn phòng chống thiên tai đô thị, thực hiện phát triển đô thị lành mạnh đã trở thành những vấn đề mà quy hoạch đô thị cần phải nghiên cứu kỹ lưỡng. Dưới đây là những kiến nghị nhằm làm tốt việc quy hoạch an toàn đô thị, tích cực ứng phó với biến đổi khí hậu:

1. Xác định hợp lý quy mô và kết cấu không gian, nâng cao năng lực chống lại thiên tai của cơ sở hạ tầng đô thị

Khi lựa chọn đất sử dụng cho xây dựng, cố gắng thực hiện tối ưu hóa và hợp lý hóa bố cục tổng thể đô thị. Thêm vào đó, cần coi dung lượng dân số và môi trường sinh thái là căn cứ

để giới hạn quy mô đô thị, ngăn chặn sự mở rộng vô hạn trong quy mô đô thị. Phát triển bền vững kinh tế xã hội đô thị phải xem xét đầy đủ tới năng lực hỗ trợ của sinh thái đô thị. Ngoài ra, còn cần tăng cường xây dựng cơ sở hạ tầng an toàn cho đô thị, nâng cao năng lực chống lại tai họa của cơ sở hạ tầng đô thị.

2. Đưa ra quy hoạch an toàn phòng chống thiên tai khoa học

Muốn tránh những tổn thất to lớn do những tai họa khí hậu mang tới thì cần phải đề ra các quy hoạch an toàn phòng chống thiên tai khoa học. Hơn nữa, cần tiến hành sửa đổi các tiêu chuẩn và quy phạm kỹ thuật có liên quan hiện có, sớm đưa an toàn phòng chống thiên tai tại đô thị vào quỹ đạo pháp chế. Trong phạm vi quyền hạn lập pháp của đô thị hiện có, tăng cường công tác nghiên cứu hệ thống lập pháp về an toàn phòng chống thiên tai tại đô thị, từ đó xây dựng nên hệ thống pháp quy về an toàn phòng chống thiên tai đô thị hoàn thiện.

3. Tăng cường vai trò chỉ đạo trong quy hoạch, xây dựng cơ chế vận hành hài hòa về an toàn phòng chống thiên tai đô thị

Việc đề ra quy hoạch đô thị cần phải hết sức coi trọng công tác an toàn phòng chống thiên tai tại đô thị, tuy nhiên, an toàn phòng chống thiên tai đô thị không phải chỉ dựa vào một cơ quan quy hoạch đô thị thì có thể giải quyết được tất cả. Vì vậy, để duy trì an toàn phòng chống thiên tai đô thị, Chính phủ cần phá vỡ sự phân tách giữa các cơ quan, hài hòa, tổ chức và tổng hợp lực lượng từ các cơ quan, các phương diện, xây dựng kênh thông tin liên quan tới an toàn phòng chống thiên tai đô thị, hình thành cơ chế vận hành tốt để duy trì an toàn phòng chống thiên tai đô thị hiệu quả.

4. Ứng phó với các sự kiện thời tiết cực đoan, hoàn thiện hệ thống đảm bảo an toàn phòng chống thiên tai đô thị

Do khí hậu toàn cầu nóng lên có ảnh hưởng rất lớn tới an toàn phòng chống thiên tai và phát triển kinh tế tại đô thị, vì vậy, cần kịp thời và

chuẩn xác tiến hành dự báo về các sự vụ thời tiết cực đoan, đồng thời đưa ra những biện pháp phòng chống tương ứng. Cần phản ứng nhanh và sử dụng các biện pháp kiên quyết và thích đáng đối với các hiện tượng thời tiết cực đoan bất ngờ, để nhanh chóng loại trừ các nguy cơ, khôi phục nhanh chóng trật tự bình thường. Để làm được như vậy thì cần phải sớm thành lập cơ chế khẩn cấp về an toàn phòng chống thiên tai đô thị bao gồm hệ thống tổ chức chỉ huy khẩn cấp về an toàn phòng chống thiên tai, hệ thống các chuyên gia hỗ trợ đưa ra quyết sách về an toàn phòng chống thiên tai và hệ thống đảm bảo về nhân lực, vật lực và tài chính khẩn cấp

5. Đưa ra các phương án dự phòng về an toàn phòng chống thiên tai đô thị, hoàn thiện kho dữ liệu về quy hoạch an toàn phòng chống thiên tai đô thị

Kho dữ liệu quy hoạch an toàn phòng chống thiên tai đô thị là kho dữ liệu tổng hợp sử dụng để tổ chức và lưu trữ những thông tin có liên quan tới quy hoạch an toàn phòng chống thiên tai đô thị, quản lý an toàn đô thị và quyết sách về an toàn của đô thị. Nó cung cấp sự hỗ trợ về số liệu cho công tác quản lý an toàn phòng chống thiên tai tại đô thị bằng máy tính và khai thác phần mềm của các loại quyết sách, hỗ trợ thông tin và thực tiễn phong phú đối với việc quy hoạch, quản lý và quyết sách an toàn phòng chống thiên tai đô thị. Trên cơ sở đó, đề ra các phương án cứu trợ dự phòng khẩn cấp có hiệu quả đối với các tình huống khẩn cấp khác nhau. Nội dung các phương án dự phòng chủ yếu bao gồm: Dự báo, phân biệt và đánh giá đối với tình hình khẩn cấp hoặc các loại thiên tai tại đô thị; Xác nhận và chuẩn bị về tài nguyên như nhân lực, vật tư, cơ sở cứu trợ...; Chỉ đạo thành lập tổ chức khẩn cấp hợp lý, hiệu quả ở trong và ngoài hiện trường; Thiết kế chiến lược

hành động khẩn cấp; Đưa ra các bước vệ sinh, sắp xếp, khôi phục... sau các tai họa tại đô thị; Đào tạo và diễn tập khẩn cấp về an toàn phòng chống thiên tai tại đô thị.

6. Xây dựng hệ thống giáo dục về an toàn cho người dân đô thị, tăng cường tuyên truyền ý thức cho người dân về phòng chống các nguy cơ thiên tai

Tăng cường giáo dục ý thức an toàn phòng chống và giảm trừ thiên tai cho người dân, xây dựng hệ thống giáo dục về an toàn cho cư dân đô thị một cách hoàn thiện. Một mặt, việc giáo dục có thể khiến đông đảo người dân hiểu biết về quy luật và quá trình phát sinh của các loại thiên tai tại đô thị, nắm được phương pháp bảo vệ bản thân nhất định, nâng cao năng lực phòng ngự của người dân trước các sự việc bất ngờ, giảm mức tổn thất do tai họa gây ra. Mặt khác, giúp người dân bình tĩnh đối mặt với tai họa, lắng nghe chỉ huy, đồng thời tích cực tham gia các hành động cứu trợ. Vì vậy, việc tiến hành công tác giáo dục xã hội hóa toàn diện như xây dựng hệ thống giáo dục hoàn thiện về an toàn cho cư dân đô thị, nâng cao kiến thức cứu trợ khẩn cấp... là rất cần thiết. Ngoài ra, xây dựng cơ chế giám sát, kiểm soát đối với việc thực thi quy hoạch an toàn phòng chống thiên tai đô thị và chế độ trách nhiệm rõ ràng cũng là nội dung quan trọng trong quy hoạch đô thị.

III. Kết luận

Biến đổi khí hậu trong tương lai vẫn sẽ tiếp diễn, vì vậy, kịp thời đề ra và sử dụng các biện pháp quy hoạch an toàn phòng chống thiên tai tại đô thị có vai trò hết sức quan trọng.

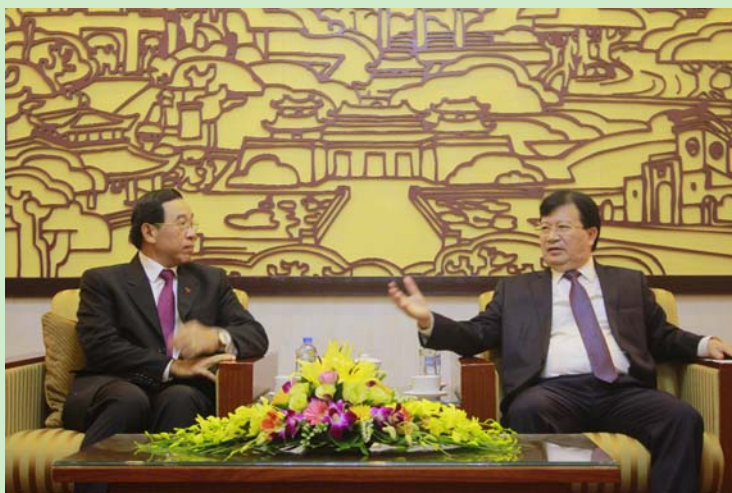
Lộc Quyên

*Nguồn: TC Xây dựng đô thị và nông thôn
Trung Quốc, số 4/2015*

ND: Kim Nhạn

BỘ XÂY DỰNG TIẾP VÀ LÀM VIỆC VỚI BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG CHÍNH VÀ VẬN TẢI LÀO

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2015



Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trịnh Đình Dũng tiếp Bộ trưởng Bộ Công chính và Vận tải Lào Bounchanh SINTHAVONG



Toàn cảnh buổi hội đàm giữa Thứ trưởng Bộ Xây dựng Bùi Phạm Khánh và Bộ trưởng Bộ Công chính và Vận tải Lào về chia sẻ kinh nghiệm lập đơn giá xây dựng